

## LỊCH SỬ VIỆT NAM (1858 – 1918)

### CHỦ ĐỀ 1: CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP CỦA NHÂN DÂN VIỆT NAM (1858 – 1884)

#### PHẦN I. LÝ THUYẾT TRỌNG TÂM

#### I/ VIỆT NAM GIỮA THẾ KỈ XIX (TRƯỚC KHI THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC)

#### A, BỐI CẢNH CHÍNH TRỊ, VĂN HÓA XÃ HỘI VIỆT NAM NỬA ĐẦU THẾ KỈ XIX

##### 1. Bối cảnh quốc tế và khu vực

- XVI, XVII, chế độ phong kiến Châu Âu phát triển đến tột cùng, chuẩn bị cho các cuộc CMTS. Thế kỉ XVIII, XIX, các cuộc CMTS thắng lợi trên phạm vi rộng khắp toàn châu Âu. Cuối XVIII, đầu XIX, phương thức sản xuất TBCN đã hoàn thành, chuyển sang nền sản xuất bằng máy móc. Từ đó, Khoa học phát triển nhanh, đặc biệt là khoa học tự nhiên. Sự phát triển này tạo điều kiện cho CNDQ hình thành → chiến tranh phân chia thị trường thế giới và xâm chiếm thuộc địa. Trong bối cảnh đó, kỹ thuật quân sự phát triển. Mối quan hệ giữa phát triển kỹ thuật quân sự và xâm chiếm thuộc địa là tương hỗ.

- Trong khi đó, các quốc gia phương Đông nói chung, VN nói riêng, nền kinh tế căn bản vẫn là kinh tế tự nhiên, tự cung tự cấp. Nhà nước phong kiến không còn phù hợp với thời đại, không có khả năng thúc đẩy sản xuất phát triển, không có khả năng tổ chức lực lượng, thúc đẩy sự phát triển của khoa học kỹ thuật, trong đó có kỹ thuật quân sự. Đây là sự thách thức đối với các quốc gia phương Đông, là sự chênh lệch giữa 2 nền kỹ thuật. Một bên là đại bác, súng đạn, chiến thuyền, tàu chiến..., một bên là tàu đồng “ống khói chạy đen sì” “bắn đạn nhỏ đạn to” “hỏa mai đánh bằng rơm con cúi” “gươm đeo dùng bằng lưỡi dao phay”.

- Phương Đông, giàu tài nguyên, đông dân là đối tượng xâm lược của phương Tây CNDQ. Tuy rằng ở phương Đông vẫn có 1 số quốc gia phong kiến phát triển nhưng nhìn chung nền kinh tế vẫn lạc hậu, là nền kinh tế tiểu nông, sản xuất thủ công kết hợp chặt chẽ với nông nghiệp. Quan hệ sở hữu ruộng đất là trở ngại cho sự phát triển xã hội. Sự bóc lột nặng nề của giai cấp địa chủ phong kiến với nông dân đã dẫn đến các cuộc khởi nghĩa liên tục, gay gắt. Xã hội các nước phương Đông mâu thuẫn, tạo điều kiện cho sự xâm nhập của CNTD.

- Thế kỉ XIX, phương Đông đắm mình trong sự phát triển theo quỹ đạo mô hình hay thể chế cầm quyền, còn phương Tây nhấn mạnh đến xu hướng kinh tế, khoa học kỹ thuật trên nền cảnh văn hóa xã hội tư sản đã phát triển.

- Đến đầu thế kỉ XIX, nhìn chung Đông Á vẫn chưa đủ điều kiện khách quan và chủ quan để có trào lưu cải cách xuất hiện và phát triển. Chủ nghĩa thực dân hóa ở đây diễn ra hầu như toàn bộ thế kỉ XIX. Các nhà cầm quyền phương Đông chưa ý thức được đầy đủ nguy cơ thôn tính kể cả thời kỳ đầu là xu hướng thực dân thương mại, sau này là dã tâm và sức mạnh của phương Tây. Thay vào đó, họ ra sức miệt thị, thậm chí phủ nhận những giá trị căn bản của văn minh phương Tây, tức những giá trị nhân loại mang tính phổ quát. Mặc dù sự tiếp xúc Đông Tây trải qua nhiều thế kỉ nhưng rõ ràng chưa tác động rõ nét đến lịch sử Đông Á, chưa đe dọa trực tiếp đến thiết chế bản địa, chủ quyền và nền độc lập ở đây.

- Tuy nhiên, các quốc gia phong kiến đang rơi vào bế tắc trong ứng xử với phương Tây. Chấp nhận ách chiếm đóng, hay kiên quyết chống lại hoặc xu hướng cải cách đổi mới đều được đặt ra, nhưng vẫn chưa thực sự cấp thiết ở đầu thế kỉ XIX.

- Ấn Độ bị thực dân Anh thống trị (cuối XVI, XVII); Indonesia thuộc Hà Lan (XVII), Myanmar (thuộc Anh, XVII); Trung Quốc bị tư bản phương Tây xâm xé, kí các điều ước bất bình đẳng liên tục, Nhật Bản cũng vậy nhưng nhanh chóng có sự thay đổi bằng cải cách. Tương tự là Xiêm.

## **2. Tình hình Việt Nam đến giữa thế kỉ XIX**

- Trong bối cảnh chung của khu vực, VN đầu XIX là một quốc gia phong kiến độc lập, có chủ quyền, dưới sự cai trị của triều đại phong kiến nhà Nguyễn – triều đại phong kiến đỉnh cao và cuối cùng trong lịch sử VN. Mô hình triều đại được thiết lập dựa trên mô thức cũ, mô hình phong kiến nhà Thanh từ giữa thế kỉ XVII.

- Chế độ phong kiến Việt Nam dưới triều Nguyễn đã đạt được những tiến bộ nhất định về kinh tế, văn hoá nhưng cũng đã bộc lộ những dấu hiệu của sự khủng hoảng, suy yếu nghiêm trọng.

+ Chế độ quân chủ chuyên chế với quyền lực tập trung trong tay vua, giai cấp địa chủ là chỗ dựa của Nhà nước, tư tưởng Nho giáo lạc hậu vẫn được đề cao và giữ vị trí độc tôn, trật tự phong kiến được coi là bất di bất dịch. Điều này đã cản trở sự tiếp nhận những thành tựu khoa học kỹ thuật mới của thế giới và khiến Việt Nam chậm thay đổi trước tình hình thế giới và khu vực.

+ Kinh tế nông nghiệp, công – thương nghiệp ngày càng sa sút. Tài chính khó khăn. Một số chủ trương, chính sách của nhà nước gây bất lợi cho sự phát triển của nền kinh tế.

+ Đường lối đối ngoại sai lầm đã khiến cho Việt Nam ngày càng bị cô lập. Việc cấm đạo và bài xích đạo Thiên Chúa tạo điều kiện cho kẻ thù bên ngoài lợi dụng.

+ Đời sống nhân dân ngày càng cực khổ. Hàng loạt cuộc khởi nghĩa nông dân nổ ra như: khởi nghĩa Phan Bá Vành ở Nam Định; Thái Bình (1821), của Lê Duy Lương ở Ninh Bình (1833), của Lê Văn Khôi ở Gia Định (1833), của Nông Văn Vân ở Tuyên Quang, Cao Bằng (1833-1835).

- Dưới sự cai trị của triều Nguyễn, khả năng phòng thủ đất nước bị giảm sút, quốc phòng yếu kém; điều này đã ảnh hưởng trực tiếp đến việc chống lại sự xâm lược của các nước tư bản phương Tây.

## **3. Thái độ của nhà Nguyễn với hoạt động của người Pháp**

- Nguồn cơn của mối quan hệ Việt – Pháp là Nguyễn Ánh và Giám mục xứ Adran, tức Bá Đa Lộc,

- Sau khi lên ngôi, Gia Long vẫn đối xử hòa hảo với Pháp, nhưng quan hệ thương mại bị hạn chế. Đến thời Minh Mạng thì gần như không quan hệ gì. Cách đối đãi như người qua đường, đến không cự, đi không đuổi, không cho tiếp xúc dân địa phương, kiểm soát chặt chẽ.

- Minh Mạng rất ham học hỏi, không cô lập về tri thức và truyền thống. Vua cho học hỏi nhiều kỹ thuật của phương Tây và chế tạo lại nhưng không làm kiên quyết.

- Về tôn giáo: Gia Long ko chủ trương cấm đạo, vài năm đầu thời Minh Mạng vẫn cho hoạt động tự do, nhưng về sau thì cấm và giết giáo sĩ. Thời Thiệu Trị chỉ bắt giam, không giết. Nhưng mối quan hệ Việt Pháp ngày càng đi xuống và bắt đầu bằng những cuộc đụng độ vũ trang, báo hiệu chấm dứt thời kì “bang giao”, đặc biệt sau sự kiện 1847 ở Cửa Hàn.

- Thời Tự Đức, chủ yếu thi hành những chính sách của Minh Mạng và Thiệu Trị, tiếp tục cấm đạo.

- Giữa thế kỉ XIX, công giáo phát triển chủ yếu ở bề sâu, khoảng 5% dân số.

- Vấn đề Công giáo được mang ra bàn cãi trong triều nhưng không có lối thoát hữu ích. Sự phân hóa của xã hội và chính quyền phong kiến về vấn đề công giáo và cách tiếp cận với phương Tây cho thấy 1 hệ quả: “bi kịch của Châu Á: có sẵn tri thức nhưng không có sự tiếp thu học hỏi”.

- Trong khi ở Pháp đang đẩy mạnh cuộc xâm nhập thì triều đình lại tiếp tục các chính sách cấm đạo cực đoan. 1856, Tự Đức ban hành dụ “Dân chúng và binh sĩ được 6 tháng để bỏ đạo... phải đốt tất cả các nhà thờ, nhà xứ, hãy ném các hầm, các hang, cấm bọn giáo hữu không được tập trung... hay dùng tất cả mọi phương tiện để tiêu diệt tà đạo”. Tháng 9/1856, tàu Pháp bắn phá Đà

Năng, triều đình cho bắt giam quan Thái bộc tự khanh Hồ Đình Hy. Tháng 5/1857, Tự Đức ra đạo dụ khuyến khích bắt đạo. Những động thái của Pháp tại cửa biển Đà Nẵng trong các năm 1856-1858 khiến Tự Đức cho bố phòng Quảng Nam chặt chẽ, nhưng lại cứ bất mãn là giết đạo để bớt giặc chứ không theo 1 chính sách nào cả.

- Thái độ của triều đình nhà Nguyễn đã tạo cơ cho Pháp đánh Việt Nam tại Đà Nẵng năm 1858.

### **B, ÂM MƯU XÂM LƯỢC VIỆT NAM CỦA THỰC DÂN PHÁP**

- Từ thế kỉ XVII đến nửa đầu thế kỉ XIX, đã có khá nhiều thương nhân Pháp đến làm ăn buôn bán ở Việt Nam. Các giáo sĩ Pháp cũng tích cực hoạt động, gây cơ sở ở cả miền Nam và miền Bắc. Một số giáo sĩ sau đó đã trở thành những người đi tiên phong, vạch đường cho cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp.

- Đến giữa thế kỉ XIX, khi mâu thuẫn Anh – Pháp tạm thời dịu bớt để tạo liên minh xâu xé Trung Quốc (1856), Chính phủ Pháp quyết định đem quân đánh chiếm Việt Nam.

- Cuộc xâm lược được dọn đường bằng các hành động khiêu khích liên tiếp của Pháp. Tháng 9/1856, Pháp cho tàu chiến đến Đà Nẵng, đưa quốc thư cho triều đình Huế, nhưng bị khước từ. Quân Pháp trắng trợn nổ súng bắn phá các đồn lũy của ta rồi lên bờ phá tất cả số đại bác phòng vệ ở đây.

- Tháng 1-1857, tàu Pháp lại tới xin được truyền đạo và buôn bán, nhưng cũng bị triều đình nhà Nguyễn từ chối.

- Cuối cùng, Napoleon III quyết định đưa quân tấn công Việt Nam.

- Cuối tháng 8/1857, Napoleon III cho lập Ủy ban về Cochinchine, Ủy ban này đánh giá về việc thực hiện Hiệp ước Versailles là bất khả thi; về lợi ích của Cochinchine là to lớn “Cochinchine đáp ứng đầy đủ các điều đó, nếu không ở mặt tiêu thụ thì ít ra cũng ở mặt sản xuất”. Theo họ đây là xứ sở của bông, lụa, đường, gạo và gỗ để xây dựng, rất nhiều gạo, giá rẻ hơn, chất lượng tốt... về các cơ sở hạ tầng đều tốt, thủy, bộ, và hải cảng nhiều, an toàn... Về lợi ích tôn giáo, là khía cạnh được đưa ra để thuyết phục chính phủ Pháp tiến hành 1 cuộc viễn chinh. Ủy ban kết luận, ko thể dùng biện pháp thương thuyết với Huế, cần thiết chuẩn bị 1 cuộc viễn chinh, sẽ dễ dàng và ít tốn kém, Pháp sẽ chiếm đóng toàn bộ Việt Nam thay vì 1 Hiệp ước, và chế độ cai trị là chế độ bảo hộ. Kiến nghị trên được Napoleon III đồng ý. Nhưng nội các Pháp vẫn chưa thống nhất, Bộ Hải quân và Thuộc địa, Bộ Ngoại giao không đồng ý. Tuy nhiên, Hoàng đế đã quyết định nên việc tấn công VN được ban hành, trong sự co giãn nếu không tốt thì giới hạn trong việc chỉ đánh Đà Nẵng.

- Cuối tháng 11/1857, lệnh chống VN được chuyển đi với 2 mục tiêu: chấm dứt đàn áp giáo dân và lập quan hệ Pháp – Việt.

- Tháng 1/1858, Đô đốc Rigault de Genouilly nhận lệnh, chỉ thị phải đích thân phát động ngay, không được chậm trễ cuộc chiến chống Việt Nam nếu cuộc chiến tranh ở Trung Quốc thấy không cần thiết, phải bảo hộ nếu thấy thuận lợi nhưng không được hy sinh quá mức cho cuộc chiến này.

- Sự kiện hè 1857 giáo sĩ Tây Ban Nha (giám mục An) bị bắt và xử tử, lôi kéo Tây Ban Nha tham chiến. (Cố An là bạn của Hoàng hậu Pháp Eugénie de Montijo, Hoàng hậu là hoàng tộc Tây Ban Nha nên đã nhiệt tình kêu gọi sự can thiệp của TBN. Đây chỉ là cớ, vì vụ việc được Paris biết vào tháng 10/1857, còn lệnh chiến được kí vào tháng 7)

- Đầu năm 1858, Genouilly chiếm được Quảng Đông, tháng 5, liên quân Anh-Pháp chiếm được Thiên Tân. Cuối tháng 6, Hiệp ước Thiên Tân được kí kết. Hoàn thành nhiệm vụ ở Trung Quốc, Genouilly dong thuyền xuống VN. Ngày 31/8/1858, hơn 10 tàu chiến Pháp và Tây Ban Nha có mặt ở cảng Đà Nẵng. Chính thức bắt đầu xâm lược.

\*\*\* Tóm tắt nguyên nhân Pháp xâm lược Việt Nam

- Nhu cầu của CNTB Pháp về thị trường, nguyên liệu, nhân công → tiến hành chiến tranh xâm lược (nguyên nhân sâu xa).

- Thực dân Pháp có nhiều lợi thế trong việc xâm chiếm Việt Nam thông qua đội ngũ gián điệp đội lột thương nhân, giáo sĩ.

- Pháp lấy cớ triều Nguyễn cấm đạo, giết đạo để tấn công Việt Nam.

- Việt Nam có:

+ Vị trí địa lí chiến lược quan trọng.

+ Giàu tài nguyên.

+ Nhân công dồi dào.

+ Thị trường tiêu thụ rộng.

→ Đáp ứng nhu cầu của tư bản Pháp.

- Chế độ phong kiến ở Việt Nam lâm vào khủng hoảng nghiêm trọng.

→ Sức nước, sức dân suy kiệt.




**TIỂU KẾT:** Trước xu thế thực dân mới, trong bối cảnh liên hệ giữa truyền giáo với chủ nghĩa thực dân trở thành xu thế khó tránh khỏi, hiện tượng phổ biến trong lịch sử cận đại là hầu hết các nước đều tìm cách can thiệp vào hoạt động quân sự và truyền giáo, coi đó là những phương tiện thực hiện tham vọng thực dân. Trước hiện tượng đó, thực tế lịch sử cho thấy vai trò của cá nhân đứng đầu là hết sức quan trọng trong bối cảnh mà CNTB đã và đang chuyển đổi mạnh mẽ sang CNDQ, hình thành 1 hệ thống thuộc địa khắp châu Á. Ở Việt Nam, ý nghĩa đó còn được tăng lên gấp bội khi chưa có 1 chính thể phong kiến nào tập trung quyền lực vào tay nhà vua như nhà nước quân chủ chuyên chế Nguyễn lúc bấy giờ. Tất cả những vận động và chuyển biến đó ở VN hoàn toàn khác so với Xiêm và Nhật Bản, đồng thời dẫn đến những hành xử và kết quả trái ngược.

Đến giữa XIX, xét trên bình diện chủ quan chung, sự tồn tại của nhà Nguyễn là hợp lý. Nhưng càng về sau, các vua Nguyễn càng không đủ điều kiện để tiếp nhận và trao quyền các giá trị truyền thống và khu vực được nữa. Trong khi đó, họ cũng không đủ thời gian, điều kiện và cơ sở xã hội, quyết tâm để tiếp nhận những giá trị mới mà thời đại đem lại. Do vậy, thể chế Nguyễn ngày càng trở nên thiếu sinh lực cũng như năng lực quản lý và tổ chức nhà nước. Từ chỗ giai cấp lãnh đạo, biểu trưng cho sự tập trung và sức mạnh của dân tộc, vương triều Nguyễn đã từng bước xa rời và bỏ rơi ngọn cờ dân tộc. Lợi ích, giá trị giai cấp không gắn liền với giá trị dân tộc và trở nên lạc lõng trước giá trị thời đại. Nhà Nguyễn suy yếu dần, đánh mất “thượng sách giữ nước” và cuối cùng để mất độc lập dân tộc.

## II. CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1858-1884)

Chiến trường	Hành động xâm lược của Pháp	Việt Nam kháng chiến chống Pháp	Kết quả
<b>Đà Nẵng (9/1858 – 2/1859)</b>	* 31/08/1858, liên quân Pháp – Tây Ban Nha dàn trận trước cửa biển Đà Nẵng, thực hiện kế hoạch “đánh nhanh thắng nhanh”. * 1/9/1858: Pháp chính thức nổ súng xâm lược Việt Nam.	<b><i>Thái độ, hành động của triều đình:</i></b> * Cử Nguyễn Tri Phương làm chỉ huy mặt trận Đà Nẵng, tổ chức nhân lực thực hiện “vườn không nhà trống”.	* Quân Pháp bị cầm chân tại chỗ trên bán đảo Sơn Trà suốt 5 tháng. → Kế hoạch đánh nhanh thắng nhanh bước đầu phá sản.
		<b><i>Cuộc kháng chiến của nhân dân:</i></b> * Sát cánh cùng triều đình kháng chiến	
<b>Gia Định (1859 – 1860)</b>	* Tháng 2/1859, Pháp chuyển hướng đánh sang chiếm Gia Định → vấp phải sự kháng cự quyết liệt của nhân dân. * Đầu năm 1860, Pháp đưa quân sang Trung Quốc → lực lượng ở Gia Định chỉ còn khoảng 1000 tên, rải trên chiến tuyến 10 km.	<b><i>Thái độ, hành động của triều đình:</i></b> * Quân triều đình chống trả yếu ớt, nhanh chóng đầu hàng. * Nguyễn Tri Phương cho xây dựng hệ thống phòng ngự.	* Gia Định bị Pháp chiếm đóng, song phải chuyển sang thực hiện kế hoạch “chinh phục từng gó nhỏ” → kế hoạch “đánh nhanh thắng nhanh: phá sản. * Cơ hội phản công quân Pháp bị bỏ lỡ.
		<b><i>Cuộc kháng chiến của nhân dân:</i></b> * Chủ động chống trả quyết liệt ngay khi quân Pháp đến Gia Định.	
<b>Đông Nam Kỳ (1861 – 1862)</b>	* 2/1861, Pháp tấn công và chiếm được Đại đồn Chí Hoà. * Pháp mở rộng đánh chiếm các tỉnh Đông Nam Kỳ (Định Tường – 12/4/1861, Biên Hoà – 18/12/1861 và thành Vĩnh Long – 23/3/1862).	<b><i>Thái độ, hành động của triều đình:</i></b> * Ngày 5/6/1862, triều đình nhà Nguyễn kí với Pháp bản Hiệp ước Nhâm Tuất gồm 12 điều khoản, một số điều chính như sau: - Nhượng hẳn cho pháp ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ, đảo Côn Lôn. - Mở 3 cửa biển Đà Nẵng, Ba Lạt, Quảng Yên cho thương nhân Pháp, Tây Ban Nha tự do buôn bán. - Bồi thường 20 triệu quan chiến phí...	* Thực dân Pháp làm chủ được các tỉnh miền Đông Nam Kỳ (Gia Định, Định Tường, Biên Hoà) và Vĩnh Long. * Hiệp ước Nhâm Tuất đã mở đầu quá trình đầu hàng của triều Nguyễn.
		<b><i>Cuộc kháng chiến của nhân dân:</i></b> * Diễn ra sôi nổi, quyết liệt. * Tiêu biểu là vụ đốt cháy tàu Hi Vọng của Pháp trên sông Vàm Cỏ.	
<b>Đông Nam Kỳ sau năm 1862</b>	* Pháp tạm dừng quá trình mở rộng xâm lược Việt Nam để bình định các vùng đất đã chiếm được.	<b><i>Thái độ, hành động của triều đình:</i></b> * Ra lệnh giải tán các đội nghĩa binh chống Pháp.	* Pháp đã củng cố được nền thống trị ở Đông Nam Kỳ. * Các cuộc đấu tranh của nhân dân đều bị đàn áp.
		<b><i>Thái độ, hành động của triều đình:</i></b> * Cuộc đấu tranh chống Pháp vẫn diễn ra quyết liệt, dưới nhiều hình thức.	

<b>Tây Nam Kỳ (1867)</b>	<p>* Lấy cớ nhà Nguyễn vi phạm Hiệp ước 1862, ngày 20/6/1867, quân Pháp đã kéo đến thành Vĩnh Long yêu cầu nộp thành.</p>	<p><b><i>Cuộc kháng chiến của nhân dân:</i></b></p> <p>Phan Thanh Giản giao nộp Vĩnh Long và yêu cầu quan quân tỉnh An Giang và Hà Tiên làm theo.</p> <p><b><i>Thái độ, hành động của triều đình:</i></b></p> <p>* Một số sĩ phu ra Bình Thuận để mưu cuộc kháng chiến lâu dài.</p> <p>* Đấu tranh vũ trang quyết liệt: Trương Quyền; Phan Tôn, Phan Liêm; Nguyễn Trung Trực; Nguyễn Hữu Huân.</p>	<p>* Ba tỉnh miền Tây Nam Kỳ rơi vào tay thực dân Pháp.</p> <p>* Cuộc đấu tranh của nhân dân đều thất bại.</p>
<b>Bắc Kỳ lần thứ nhất (1873 – 1874)</b>	<p>* Lấy cớ giải quyết vụ Duy-puy, đầu tháng 11/1873 Pháp đưa quân ra Bắc.</p> <p>* 20/11/1873, Pháp tấn công thành Hà Nội, sau đó mở rộng đánh chiếm các tỉnh thuộc đồng bằng Bắc Kỳ.</p> <div data-bbox="311 981 702 1243" data-label="Image"> </div> <p style="text-align: center; font-size: small;">Pháp tấn công thành Hà Nội (1873)</p>	<p><b><i>Cuộc kháng chiến của nhân dân:</i></b></p> <p>* Quan quân thành Hà Nội chống cự quyết liệt.</p> <p>* Sau chiến thắng Cầu Giấy (12/1873) nhà Nguyễn chủ trương thương thuyết, kí với Pháp Hiệp ước Giáp Tuất (1874).</p> <p>- Pháp sẽ rút khỏi Bắc Kỳ, nhưng triều Nguyễn phải thừa nhận chủ quyền của Pháp ở 6 tỉnh Nam Kỳ, cam kết mở cửa Thị Nại, Ninh Hải, tỉnh lỵ Hà Nội sông Hồng cho Pháp vào buôn bán...</p> <p>- Ngoại giao của Việt Nam lệ thuộc vào đường lối ngoại giao của nước Pháp.</p> <p><b><i>Thái độ, hành động của triều đình:</i></b></p> <p>* Tổ chức chiến đấu ngay khi quân Pháp đặt chân ra Bắc.</p> <p>* Trận đánh tiêu biểu: trận Cầu Giấy (12/1873) tạo ra cơ hội để triều đình phản công nhưng đã bị lợi dụng.</p>	<p>* Hiệp ước Giáp Tuất đã làm mất đi một phần quan trọng chủ quyền, ngoại giao và thương mại của Việt Nam.</p> <p>* Pháp tuy phải rút quân khỏi Bắc Kỳ nhưng vẫn điều kiện xây dựng cơ sở để thực hiện các bước xâm lược về sau.</p>
<b>Bắc Kỳ lần thứ hai (1882 – 1883)</b>	<p>* Lấy cớ nhà Nguyễn vi phạm Hiệp ước 1874 → đầu tháng 4/1882, Pháp đưa quân ra Bắc.</p> <p>* 25/4/1882, Pháp tấn công thành Hà Nội, sau đó mở rộng đánh chiếm vùng đồng bằng Bắc Kỳ.</p>	<p><b><i>Cuộc kháng chiến của nhân dân:</i></b></p> <p>* Quan quân thành Hà Nội chiến đấu anh dũng.</p> <p>* Triều Nguyễn cầu cứu nhà Thanh, ảo tưởng về việc thương thuyết với Pháp.</p> <p><b><i>Thái độ, hành động của triều đình:</i></b></p> <p>* Tổ chức chiến đấu ngay khi quân Pháp đặt chân ra Bắc.</p> <p>* Tiêu biểu: trận Cầu Giấy (5/1883).</p>	<p>* Pháp chiếm được các tỉnh Bắc Kỳ.</p> <p>* Chính phủ Pháp khẩn trương gửi viện binh, chuẩn bị mở cuộc tấn công quyết định vào Huế.</p>

	 Pháp tấn công thành Hà Nội (1883)		
<b>Huế (1883 1884)</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>* Tháng 8/1883, Pháp tấn công và chiếm được cửa Thuận An.</li> <li>* Tháng 12/1883, Pháp tổ chức các cuộc hành quân để đẩy lui quân Thanh về nước, đàn áp cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam → buộc nhà Nguyễn kí Hiệp ước Pa-tơ-nốt (1884).</li> </ul>	<p><b>Cuộc kháng chiến của nhân dân:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>* Kí với Pháp bản Hiệp ước Hác-măng (1883) chính thức thừa nhận sự bảo hộ của Pháp đối với Việt Nam.</li> <li>* Kí với Pháp Hiệp ước Pa-tơ-nốt (1884).</li> </ul>  Lễ kí Hiệp ước Hác-măng (1883)	<ul style="list-style-type: none"> <li>* Thực dân Pháp cơ bản hoàn thành quá trình xâm lược Việt Nam.</li> <li>* Việt Nam từ một nước phong kiến độc lập trở thành nước thuộc địa nửa phong kiến.</li> </ul>
		<p><b>Thái độ, hành động của triều đình:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>* Tiếp tục đứng lên đấu tranh bất chấp lệnh bãi binh của triều đình.</li> </ul>	

## II. HỆ THỐNG CÂU HỎI ÔN LUYỆN

**Câu 1.** Trình bày khái quát đặc điểm của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân ta từ 1858 đến 1867.

**Câu 2.** Tình hình Việt Nam giữa thế kỉ XIX trước khi thực dân Pháp xâm lược có điểm gì nổi bật? Đặt Việt Nam trong bối cảnh châu Á và thế giới lúc đó em có suy nghĩ gì?

**Câu 3.** Vì sao triều đình Huế kí Hiệp ước Nhâm Tuất (5-6-1862)? Nêu nội dung cơ bản và nhận xét về Hiệp ước này.

**Câu 4.** Cuộc kháng chiến của nhân dân ta ở Đà Nẵng và Gia Định diễn ra như thế nào? Qua đó em có nhận xét gì về truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam?

**Câu 5.** Có đúng không khi cho rằng phong trào kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta từ tháng 9/1858 đến trước ngày 5/6/1862 đã ảnh hưởng đến quá trình xâm lược Việt Nam của thực dân Pháp?

**Câu 6.** Thực dân Pháp lấy cớ gì để đưa quân ra xâm lược Bắc Kỳ lần thứ nhất? Khái quát quá trình Pháp xâm lược Bắc Kỳ lần thứ nhất.

**Câu 7.** Trình bày về chiến thắng Cầu Giấy năm 1873. Phân tích ý nghĩa của chiến thắng này.

**Câu 8.** Đánh giá trách nhiệm của triều đình nhà Nguyễn trong việc để Việt Nam rơi vào tay thực dân Pháp.

**Câu 9.** So sánh điểm giống và khác nhau về nội dung giữa Hiệp ước Hác Măng (1883) và Hiệp ước Patonôt (1884) và nhận xét về các hiệp ước này.

**Câu 10.** Nhân dân Hà Nội và các tỉnh đồng bằng sông Hồng đã anh dũng kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược lần thứ hai như thế nào?

### **Đáp án**

**Câu 1.** Trình bày khái quát đặc điểm của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân ta từ 1858 đến 1867.

- Diễn ra đồng thời với quá trình xâm lược của thực dân Pháp, Pháp xâm lược đến đâu nhân dân ta đấu tranh đến đó; thể hiện tinh thần chủ động, kịp thời của nhân dân ta.
- Nhân dân Việt Nam kháng chiến chống Pháp trong khi chế độ phong kiến rơi vào thời kì khủng hoảng trầm trọng, nhà Nguyễn đã từng bước bỏ rơi ngọn cờ lãnh đạo, không tiến hành cuộc chiến tranh nhân dân, toàn dân đánh giặc.
- Nhân dân chiến đấu mưu trí, dũng cảm, sáng tạo với nhiều hình thức, phương pháp: khởi nghĩa vũ trang, bất hợp tác với giặc, sáng tác thơ văn yêu nước,...
- Phải đối phó với kẻ thù mới, có sức mạnh quân sự - kinh tế hơn hẳn, chủ nghĩa đế quốc đang hiếu thắng và chiếm ưu thế trong cuộc chiến tranh giành thuộc địa.
- Xác định đúng kẻ thù của dân tộc, đặt mâu thuẫn dân tộc lên trên mâu thuẫn giai cấp; từng bước kết hợp ngọn cờ chống Pháp xâm lược và chống phong kiến đầu hàng.
- Thành phần, lực lượng tham gia: có sự tham gia lãnh đạo của triều đình trong giai đoạn đầu; quan lại, sĩ phu yêu nước, đông đảo các tầng lớp nhân dân lao động.
- kết quả, ý nghĩa: buộc Pháp thất bại kế hoạch “đánh nhanh thắng nhanh”, cản trở bước chân xâm lược của thực dân Pháp. Thể hiện ý chí chiến đấu bất khuất, tinh thần yêu nước của nhân dân Việt Nam, tạo động lực, niềm tin cho phong trào kháng Pháp giai đoạn sau.

**Câu 2.** Tình hình Việt Nam giữa thế kỉ XIX trước khi thực dân Pháp xâm lược có điểm gì nổi bật? Đặt Việt Nam trong bối cảnh Châu Á và thế giới lúc đó em có suy nghĩ gì?

*\* Tình hình Việt Nam giữa thế kỉ XIX:*

- *Chính trị:* trước khi bị thực dân Pháp xâm lược, Việt Nam là một quốc gia độc lập có chủ quyền song chế độ phong kiến đã lâm vào khủng hoảng, suy yếu trầm trọng.



- *Đối ngoại*: nhà nước có những chính sách sai lầm nhất là “cấm đạo”, đuổi giáo sĩ phương Tây. Làm rạn nứt khối đại đoàn kết dân tộc.

- *Kinh tế*: nông nghiệp sa sút bởi ruộng đất phần lớn rơi vào tay địa chủ, cường hào, hạn hán, mất mùa, đói kém xảy ra thường xuyên; công thương nghiệp đình đốn lạc hậu do chính sách độc quyền về công thương và hạn chế buôn bán với nước ngoài của nhà Nguyễn.

- xã hội: nhiều cuộc khởi nghĩa nông dân nổ ra...

- *Quân sự*: lạc hậu, vũ khí thô sơ.... Năng lực quốc phòng kém.

\* Suy nghĩ: Trong bối cảnh thế giới và khu vực giữa thế kỉ XIX có thể thấy:

- Việc chủ nghĩa thực dân phương Tây đẩy mạnh xâm lược các nước phương Đông là một tất yếu lịch sử.

- Việt Nam và các nước khác trong khu vực châu Á với chế độ phong kiến đang khủng hoảng trầm trọng đã trở thành “miếng mồi béo bở của chủ nghĩa thực dân”.

- Tuy nhiên, việc mất độc lập của Việt Nam không phải là tất yếu nếu Việt Nam và các dân tộc châu Á biết kịp thời duy tân, cải cách đất nước; chủ động đối phó và có đường lối kháng chiến đúng đắn.

**Câu 3.** Vì sao triều đình Huế kí Hiệp ước Nhâm Tuất (5/6/1862)? Nêu nội dung cơ bản và nhận xét về Hiệp ước này.

\* *Triều đình Huế kí Hiệp ước Nhâm Tuất vì*:

Để đối phó với sự xâm lược của Pháp ở phía Nam và phong trào khởi nghĩa nông dân ở phía Bắc. Triều Nguyễn đã có chủ trương nhân nhượng với Pháp để bảo vệ quyền lợi của giai cấp, của dòng họ, đồng thời có điều kiện rảnh tay để đối phó, đàn áp phong trào khởi nghĩa của nông dân nên đã kí với Pháp Hiệp ước Nhâm Tuất 5/6/1862.

\* *Nội dung cơ bản của Hiệp ước*:

- Triều đình nhượng hẳn cho Pháp ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ (Gia Định, Định Tường, Biên Hòa) và đảo Côn Lôn.

- Bồi thường 20 triệu quan (ước tính bằng 280 vạn lạng bạc).

- Triều đình mở 3 cửa biển: Đà Nẵng, Ba Lạt, Quảng Yên cho cho thương nhân Pháp và Tây Ban Nha vào tự do buôn bán, kèm theo nhiều nhượng bộ nặng nề khác về chính trị, quân sự...

- Thành Vĩnh Long sẽ được trả lại cho triều đình Huế khi nào triều đình chấm dứt được các hoạt động chống Pháp ở ba tỉnh miền Đông.

\* *Nhận xét*: đây là Hiệp ước bất bình đẳng đầu tiên của triều đình Huế kí với thực dân Pháp, thể hiện sự bạc nhược của triều đình Huế, làm mất đi một phần chủ quyền lãnh thổ đất nước, tạo cho Pháp có chỗ đứng chân lâu dài để mở rộng xâm lược nước ta...

**Câu 4.** Cuộc kháng chiến của nhân dân ta ở Đà Nẵng và Gia Định diễn ra như thế nào? Qua đó em có nhận xét gì về truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam?

*\* Cuộc kháng chiến của nhân dân ở Đà Nẵng và Gia Định:*

- Tại Đà Nẵng:

+ Ngay từ khi thực dân Pháp đánh chiếm Đà Nẵng, các đội quân nông dân luôn sát cánh cùng quân đội triều đình đẩy lui các đợt tấn công của địch.

+ Tự tổ chức thành đội ngũ, chủ động tìm địch mà đánh (tám gương của Đốc học Phạm Văn Nghị)

→ Cuộc kháng chiến của nhân dân Đà Nẵng đã làm thất bại âm mưu “đánh nhanh thắng nhanh” của Pháp.

- Tại Gia Định: ngay từ đầu các đội dân binh đã chiến đấu dũng cảm, ngày đêm bám sát tiêu diệt địch với tám gương như Trần Thiện Chính, Lê Huy, Dương Bình Tâm, Trương Định... => đẩy thực dân Pháp vào thế “tiến thoái lưỡng nan”, sa lầy tại mặt trận Gia Định.

*\* Nhận xét:* thể hiện truyền thống yêu nước của dân tộc, đặc biệt là của nông dân Việt Nam. Khi đất nước có giặc ngoại xâm họ sẵn sàng gác lại quyền lợi giai cấp, vì quyền lợi dân tộc sát cánh cùng triều đình chống xâm lược.

**Câu 5.** Có đúng không khi cho rằng phong trào kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta từ tháng 9/1858 đến trước ngày 5/6/1862 đã ảnh hưởng đến quá trình xâm lược Việt Nam của thực dân Pháp?

*\* Ý kiến trên là đúng.*

*\* Lí giải:*

- Góp phần làm thất bại kế hoạch “đánh nhanh, thắng nhanh” của thực dân Pháp

+ Chiều 31/8/1858, liên quân Pháp - Tây Ban Nha dàn trận trước cửa biển Đà Nẵng, đây là vị trí chiến lược quan trọng, nếu chiếm được sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho Pháp thực hiện kế hoạch “đánh nhanh, thắng nhanh”. Sáng 1/9/1858, chúng nổ súng tấn công bán đảo Sơn Trà.

+ Ngay khi giặc xâm lược, quân dân ta anh dũng chống trả, những trận đấu diễn ra ở xã Cẩm Lệ ven biển Hòa Vang, nhưng không cản được giặc.

+ Nhân dân Đà Nẵng phối hợp với quân đội triều đình đắp lũy không cho giặc tiến sâu vào nội địa, thực hiện “vườn không nhà trống” gây cho quân Pháp nhiều khó khăn. Suốt 5 tháng, quân Pháp bị giam chân tại chỗ, lực lượng hao mòn, thực phẩm thiếu thốn. Bị sa lầy ở Đà Nẵng, chúng buộc phải thay đổi kế hoạch...

- Góp phần làm chậm quá trình mở rộng đánh chiếm các tỉnh Nam Kỳ của thực dân Pháp.

+ Khi Pháp tấn công thành Gia Định, quân triều đình mặc dù đông, vũ khí, lực lượng nhiều nhưng nhanh chóng tan rã, để Pháp chiếm được thành. Tuy nhiên giặc Pháp vẫn vấp phải những khó khăn

mới, các nghĩa quân vẫn ngày đêm bám sát, tìm cách tiêu diệt địch. Hoảng sợ, chúng quyết định phá hủy thành Gia Định, rút xuống tàu cổ thủ. Pháp phải chuyển sang kế hoạch “chinh phục từng góit nhỏ”.

+ Khi giặc mở rộng đánh chiếm các tỉnh miền Đông Nam Kỳ chúng đã vấp phải cuộc chiến đấu quyết liệt của nhân dân ta. Các toán nghĩa quân của Trương Định, Trần Thiện Chánh... chiến đấu anh dũng, lập được nhiều chiến công...

+ Phong trào kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta phát triển khiến Pháp vô cùng bối rối, lo sợ. Pháp vội vàng kí với triều đình nhà Nguyễn Hiệp ước Nhâm Tuất...

**Câu 6.** Thực dân Pháp lấy cớ gì để đưa quân ra xâm lược Bắc Kỳ lần thứ nhất? Khái quát quá trình Pháp xâm lược Bắc Kỳ lần thứ nhất.

\* *Nguyên cớ Pháp xâm lược Bắc Kỳ lần thứ nhất:* Pháp lấy cớ giúp nhà Nguyễn giải quyết vụ Đuypuy.

\* *Khái quát quá trình Pháp xâm lược Bắc Kỳ:*

- Quân Pháp do đại úy Gácniê bắt đầu từ Sài Gòn tấn công ra Hà Nội.
- Ngày 5/11/1873: quân Pháp đến Hà Nội => giờ trò khiêu khích.
- Ngày 16/11/1873: Pháp mở cửa sông Hồng và áp dụng biểu thuế quan mới.
- Sáng 19/11/1873: Pháp gửi tới hậu thư cho Tổng đốc thành Hà Nội yêu cầu nộp khí giới và giải tán quân đội.
- Sáng 20/11/1873: Quân Pháp nổ súng chiếm thành Hà Nội. Thành Hà Nội bị thất thủ.
- Trong 2 tháng 11,12/1873, Pháp đẩy mạnh chiếm các tỉnh đồng bằng Bắc Kỳ.

**Câu 7.** Trình bày về chiến thắng Cầu Giấy năm 1873. Phân tích ý nghĩa của chiến thắng này.

- *Chiến thắng Cầu Giấy:*

- + Do việc canh phòng ở Hà Nội sơ hở nên quân ta phối hợp với đội quân Cờ Đen từ Sơn Tây kéo về Hà Nội.
- + Dưới sự chỉ đạo của Hoàng Tá Viêm và Lưu Vĩnh Phúc, ta đã hình thành trận tuyến bao vây quân địch.
- + Được tin, Gác-ni-ê tức tốc đưa quân từ Nam Định trở về => ngày 21/12/1873, Lưu Vĩnh Phúc kéo quân vào sát thành Hà Nội khiêu chiến.
- + Gác-ni-ê đem quân đuổi theo => quân Pháp rơi vào ổ phục kích của quân ta tại Cầu Giấy.
- + *Kết quả:* Toàn bộ quân Pháp ở Cầu Giấy trong đó có Gác-ni-ê đã tử trận.
- *Ý nghĩa:*
- + Trận Cầu Giấy là chiến thắng lớn nhất của nhân dân Bắc Kỳ trong cuộc kháng chiến chống Pháp đánh chiếm Bắc Kỳ lần thứ nhất.

- + Làm nức lòng nhân dân cả nước, cổ vũ tinh thần chống Pháp của nhân dân ta.
- + Khiến cho Pháp hoang mang lo sợ và tìm cách thương lượng, kế hoạch đánh chiếm Bắc Kỳ (lần thứ nhất) của Pháp thất bại.

**Câu 8.** Đánh giá trách nhiệm của triều đình nhà Nguyễn trong việc để Việt Nam rơi vào tay thực dân Pháp.

A, Đứng trước nguy cơ xâm lược, nhà Nguyễn chỉ có 2 con đường để lựa chọn:

- + Tiến hành canh tân cải cách
- + Bảo thủ thi hành chính sách như cũ.

\* Phân tích con đường 1, nêu bật được các ý:

- Tác dụng của canh tân cải cách...: làm cho đất nước ta lúc này có thể thoát khỏi khủng hoảng, do đó sức mạnh phòng thủ của đất nước được tăng lên. Thực tế tấm gương của Nhật.
- Các nhà cải cách Việt Nam như Phan Thanh Giản, Phạm Phú Thứ, Bùi Viện, Nguyễn Trường Tộ... cũng cho rằng, chỉ có cải cách thì mới có thể làm cho đất nước thoát khỏi họa xâm lăng
- Tiếc thay, nhà Nguyễn đã từ chối con đường này; đã bỏ lỡ thời cơ để có thể cứu nguy được đất nước thoát khỏi họa xâm lăng.

\* Phân tích con đường 2, nêu được:

- Nhà Nguyễn vẫn tiến hành chính sách đối kháng với nhân dân (vẫn giữ nguyên các chính sách cũ, thậm chí còn tăng cường các biện pháp áp bức, bóc lột tàn bạo: các thứ thuế, kìm hãm các nhân tố TBCN trong kinh tế, không chăm lo sản xuất, đề Văn Giang 18 năm liền bị vỡ...)
- Hậu quả của các chính sách trên đã đẩy mọi tầng lớp nhân dân vào bước đường cùng, khiến họ phải nổi dậy chống lại, kể từ Gia Long đến Tự Đức đã có tới hơn 500 cuộc khởi nghĩa... tiêu biểu là cuộc khởi nghĩa của Phan Bá Vành, Cao Bá Quát.
- → Nhà Nguyễn đã vì quyền lợi ích kỉ của giai cấp mình mà hy sinh quyền lợi cả dân tộc, nên tuy đã tổ chức chống lại sự xâm lăng của Pháp, nhưng không còn khả năng tập hợp, lãnh đạo nhân dân kháng chiến như trước. Mặt khác, cũng cần nêu được: có nguy cơ bị xâm lăng, nhưng không tắt yếu mất nước, nhà Nguyễn với những việc làm kể trên đã biến cái không tắt yếu thành tắt yếu. Do vậy, nhà Nguyễn phải chịu trách nhiệm về việc để nước ta rơi vào tay TD Pháp

B, Trong quá trình tiến hành chống lại sự xâm lược của Pháp, nhà Nguyễn còn mắc phải 1 số sai lầm không thể tha thứ là đã từ bỏ con đường đấu tranh vũ trang truyền thống của dân tộc mà đi theo con đường thương lượng (cần nêu dẫn chứng cụ thể: khi Pháp đánh Đà Nẵng, Gia Định, chiếm 3 tỉnh miền Đông, miền Tây, đánh Hà Nội lần 1, 2, đàn áp khởi nghĩa của Nguyễn Trung Trực, Trương Định)

C, Tuy nhiên, còn nhận thấy, trong quá trình chống Pháp xâm lược, có những vị thượng quan của triều đình, thậm chí cả vua, như Nguyễn Tri Phương, Hoàng Diệu, Tôn Thất Thuyết, Hàm Nghi.. đã nêu tấm gương cao cả, quyết tâm bảo vệ độc lập, chủ quyền của đất nước mà nhân dân ta đời đời kính trọng.

→ Do vậy, việc để nước ta rơi vào tay thực dân Pháp hồi cuối thế kỉ XIX là trách nhiệm của 1 bộ phận vua quan nhà Nguyễn.

**Câu 9.** So sánh điểm giống và khác nhau về nội dung giữa Hiệp ước Hác-măng (1883) và Hiệp ước Patonốt (1884). Nhận xét về các hiệp ước này.

*a. So sánh:*

*\* Giống nhau:*

- Điều thừa nhận quyền bảo hộ của thực dân Pháp ở Bắc và Trung Kỳ.
- Điều thể hiện thái độ của triều đình nhà Nguyễn: nhân nhượng, đầu hàng hoàn toàn.
- Đánh dấu thực dân Pháp cơ bản hoàn thành công cuộc xâm lược Việt Nam.

*\* Khác nhau*

- Hiệp ước Hác-măng: khu vực cai quản của triều đình nhà Nguyễn bị thu hẹp từ Khánh Hòa đến Đèo Ngang.
- Hiệp ước Pa-tơ-nốt: khu vực cai quản của triều đình nhà Nguyễn được mở rộng đến Bình Thuận và Thanh – Nghệ - Tĩnh. Đây là thủ đoạn của Pháp nhằm xoa dịu dư luận và mua chuộc các phần tử phong kiến đầu hàng.

*b. Nhận xét:*

- Các Hiệp ước trên đều thể hiện sự đầu hàng hoàn toàn của triều đình nhà Nguyễn đối với thực dân Pháp.
- Biến Việt Nam từ nước độc lập hoàn toàn trở thành thuộc địa của Pháp, khẳng định quyền thống trị của Pháp trên toàn bộ lãnh thổ Việt Nam.

**Câu 10.** Nhân dân Hà Nội và các tỉnh đồng bằng sông Hồng đã anh dũng kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược lần thứ hai như thế nào?

- Khi quân Pháp đánh Bắc Kỳ lần thứ hai, nhân dân ta đã anh dũng chiến đấu chống Pháp:
  - + Ở Hà Nội, dọc sông Hồng: Nhân dân tạo bức tường lửa để làm chậm bước tiến của quân thù.
  - + Những nơi khác: Nhân dân nổi trống, mõ, khoa chiêng cổ vũ quân ta chiến đấu.
- Khi Pháp chiếm được Hà Nội, mở rộng phạm vi đánh chiếm các tỉnh đồng bằng: đi đến đâu chúng cũng vấp phải sức chiến đấu của nhân dân các địa phương.
- Khi Rivie kéo quân đánh Nam Định: Từ phía Sơn Tây và Bắc Ninh, quân dân ta đã áp sát Hà Nội để uy hiếp Pháp.
- Tháng 5/1883, chiến thắng Cầu Giấy lần hai, quân ta lại một lần nữa giáng cho địch đòn nặng nề khiến chỉ huy quân Pháp - Rivie đã tử trận.
- Chiến thắng Cầu Giấy lần thứ hai đã thể hiện:
  - + Ý chí quyết tâm sẵn sàng tiêu diệt địch của nhân dân ta.
  - + Tuy nhiên triều đình Huế vẫn nuôi ảo tưởng bằng con đường thương thuyết.

- Sau thất bại trong trận Cầu Giấy lần thứ hai (1883), Pháp càng cố gắng dã tâm xâm chiếm Việt Nam do nhận thấy thái độ bạc nhược của triều đình Huế, thế và lực của Việt Nam đã suy kiệt.

## **CHỦ ĐỀ 2. TRÀO LƯU CẢI CÁCH, DUY TÂN Ở VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM CUỐI THẾ KỈ XIX**

### **I. LÝ THUYẾT TRỌNG TÂM**

#### **1. Hoàn cảnh lịch sử:**

- Nửa sau thế kỉ XIX, nền kinh tế Việt Nam tiếp tục lâm vào tình trạng khủng hoảng nghiêm trọng. Nông nghiệp sa sút, thủ công nghiệp và thương nghiệp bế tắc, tài chính cạn kiệt.
  - Trong khi đó, triều đình nhà Nguyễn tăng cường bóc lột nhân dân
  - Bộ máy chính quyền từ trung ương đến địa phương trở nên sâu mọt, địa chủ cường hào tha hồ đục khoét, những nhiều dân lành
  - Nhiều cuộc khởi nghĩa và bạo loạn chống triều đình đã nổ ra. Mâu thuẫn giữa các tầng lớp nhân dân với giai cấp phong kiến thống trị ngày càng trở nên sâu sắc.
- Vận nước nguy nan đã tác động tới các quan lại, sĩ phu yêu nước tiến bộ. Nhiều đề nghị cải cách duy tân được đưa ra.

#### **2. Những đề nghị cải cách ở Việt Nam nửa sau thế kỉ XIX**

- Đi đầu trong phong trào đề nghị cải cách là một số quan chức, sĩ phu có học vấn cao, đặc biệt là một số sĩ phu Công giáo có dịp ra nước ngoài, như: Nguyễn Hiệp, Lê Đính, Phạm Phú Thứ, Đặng Đức Tuấn, Đặng Huy Trứ, Bùi Viện, Nguyễn Lộ Trạch, Đinh Văn Điền, Nguyễn Trường Tộ. Nội dung đề nghị của các sĩ phu trên đều muốn nước ta đi theo con đường duy tân của Nhật Bản và vẫn chấp nhận chế độ phong kiến.
- Phan Thanh Giản sau chuyến đi sứ sang Pháp đã đôi lần bày tỏ ý muốn duy tân.
- Năm 1868, Đinh Văn Điền, một người theo Công giáo quê ở Yên Mô, tỉnh Ninh Bình, đã mật trình đề nghị mở mang việc khai mỏ, đóng tàu, biệt đãi người phương Tây, khai thông việc buôn bán, học tập binh thư, binh pháp, huấn luyện quân đội theo lối mới...
- Năm 1868, Trần Đình Túc và Nguyễn Huy Tế xin mở cửa biển Trà Lí (Nam Định) để thông thương với bên ngoài, xây dựng một “Hương Cảng của Việt Nam”.
- Năm 1872, Viện Thương bạc (cơ quan đối ngoại của triều đình Huế) xin mở các cửa biển Đà Nẵng, Ba Lạt, Đồ Sơn. Một số quan lại khác như Nguyễn Hiệp (đi Xiêm), Lê Đính (đi Hương Cảng) thấy nhiều điều hay của thiên hạ, đề nghị triều đình nên học tập...
- Đặc biệt, từ 1863 đến 1871, Nguyễn Trường Tộ đã kiên trì gửi triều đình 60 bản điều trần, đề cập một loạt vấn đề như chấn chỉnh bộ máy quan lại, phát triển công thương nghiệp và tài chính, chỉnh đốn võ bị, mở rộng ngoại giao, cải tổ giáo dục...

- Ngoài ra, vào các năm 1877 và 1882, Nguyễn Lộ Trạch còn dâng hai bản “Thời vụ sách” lên vua Tự Đức đề nghị chấn hưng dân khí, khai thông dân trí, bảo vệ đất nước.

**\*\*\* Nội dung cơ bản của đề nghị cải cách:**

- Đề cập đến nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội nước ta lúc đó, phản ánh tâm tư muốn thoát khỏi khuôn khổ chật hẹp của chế độ phong kiến đương thời, đưa đất nước thoát khỏi tình trạng lạc hậu, có thể đương đầu với cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp.
- Muốn đưa đất nước theo con đường duy tân Nhật Bản.
- Muốn biệt đãi người Phương Tây, học tập cách làm của phương Tây để đưa đất nước thoát khỏi tình trạng trì trệ, lạc hậu
- Cải cách muốn chấn chỉnh lại bộ máy quan lại, phát triển công thương, chấn chỉnh võ bị, ngoại giao, cải tổ giáo dục.

**\*\*\* Ưu và nhược điểm:**

- Ưu:
  - + Nhìn thấy rõ sự điêu tàn về kinh tế và sự bất ổn về chính trị, xã hội lúc bấy giờ.
  - + Nhìn thấy sự tồn tại quá lâu đời của ý thức hệ phong kiến là sự cản trở cho việc canh tân đất nước.
  - + Thể hiện lòng yêu nước, muốn duy tân đất nước, đưa đất nước phát triển để có điều kiện chống kẻ thù xâm lược.
  - + Những đề nghị cải cách đã vượt qua những định kiến, ghen ghét của chế độ phong kiến đương thời để làm cho đất nước phát triển.
- Nhược:
  - + Những cải cách chưa đề ra biện pháp cụ thể để canh tân đất nước
  - + Phần lớn các sĩ phu vẫn còn chấp nhận sự tồn tại của chế độ phong kiến
  - + Những cải cách còn mang tư tưởng chủ quan.

**3. Kết cục của những đề nghị cải cách duy tân cuối thế kỉ XIX**

**Những đề nghị cải cách trên không được thực hiện vì:**

- Chưa xuất phát từ cơ sở bên trong: điều kiện kinh tế, vật chất, tài chính lúc đó không thuận lợi để tiến hành cải cách.
- Các đề nghị cải cách trên mang tính rời rạc, lẻ tẻ, thiếu tính khả thi.
- Chưa động chạm đến những vấn đề cơ bản của thời đại: giải quyết hai mâu thuẫn chủ yếu của xã hội Việt Nam lúc bấy giờ là mâu thuẫn giữa nhân dân ta với thực dân Pháp xâm lược và giữa nông dân với địa chủ phong kiến.



- Triều đình phong kiến nhà Nguyễn bảo thủ, bất lực trong việc thích ứng với hoàn cảnh nên không chấp nhận những thay đổi và từ chối mọi sự cải cách, kể cả những cải cách hoàn toàn có khả năng thực hiện. Trong khi đó, những người đưa ra đề nghị, cải cách không phải là những người nắm quyền lực cao nhất.

**\* Ý nghĩa:**

Trào lưu cải cách duy tân cuối thế kỉ XIX đã có tác dụng tấn công vào những tư tưởng bảo thủ và chuẩn bị cho sự ra đời của phong trào Duy tân sôi nổi, rộng khắp Việt Nam vào đầu thế kỉ XX.

## **II. CÂU HỎI ÔN TẬP**

**Câu 1.** Các sĩ phu yêu nước (cuối thế kỉ XIX), đưa ra các đề nghị cải cách duy tân trong bối cảnh lịch sử nước ta như thế nào? Nêu một số đề nghị cải cách tiêu biểu. Vì sao những cải cách đó không thực hiện được.

**Câu 2.** Anh/chị hãy nhận xét về công cuộc cải cách, duy tân ở Nhật Bản, Xiêm, Trung Quốc và Việt Nam nửa cuối thế kỷ XIX?

- Vào nửa cuối thế kỷ XIX, trước nguy cơ bị xâm lược và trở thành thuộc địa của thực dân phương Tây, để bảo vệ nền độc lập dân tộc cũng như giải quyết những mâu thuẫn trong lòng xã hội..., các quốc gia như Việt Nam, Xiêm, Nhật Bản, Trung Quốc đều đặt ra vấn đề tiến hành duy tân, canh tân, cải cách đất nước. (0.5)

- Cuộc Minh Trị Duy tân ở Nhật, cải cách ở Xiêm, Duy tân ở Trung Quốc đều không phải là do sức mạnh của quần chúng, không phải tiến hành từ bên dưới, từ nhân dân, mà là những hành động của giới cầm quyền với đội tiên phong là những trí thức đã thức tỉnh trước tình hình mới. 0.5

- Cuộc Duy tân ở Nhật, những cải cách ở Xiêm, Trung Quốc được tiến hành không phải do sự xuất hiện một giai cấp mới- giai cấp tư sản và mâu thuẫn giữa giai cấp tư sản với những quan hệ phong kiến trói buộc nó. 0.5

- Tất cả các cuộc cải cách, duy tân này đều xuất phát từ thực tế bảo vệ nền độc lập dân tộc. 0.25

- Sự thành công của công cuộc Duy tân Nhật Bản, Xiêm, sự thất bại trong công cuộc cải cách ở Trung Quốc hay trào lưu cải cách ở Việt Nam không được thực hiện cho chúng ta thấy vai trò của người đứng đầu nhà nước. Nếu vua thức thời, nhìn xa trông rộng, hiểu biết văn hóa phương Tây, quyết tâm và có thực quyền thì đó là điều kiện quan trọng nhất, có ý nghĩa quyết định đối với canh tân đất nước. 0.75

- Bối cảnh thực hiện cuộc cải cách

- Bài học kinh nghiệm

<b>Câu 1</b>	<b>Vào những thập niên cuối thế kỉ XIX, các sĩ phu đề nghị Duy Tân cải cách xuất phát từ động cơ nào? Nội dung cơ bản của các đề nghị Duy Tân cải cách. Ý nghĩa.</b>	<b>3 điểm</b>
	<b>Những động cơ:</b>	

	+ Nhận thấy sự khủng hoảng kinh tế, tài chính... “Quân và dân của đã hết, sức đã yếu. Trong khi đó, nhà Nguyễn tăng cường bóc lột, bộ máy chính quyền từ trung ương đến địa phương trở nên sâu mọt, mâu thuẫn xã hội sâu sắc”....	0,5 đ
	+ Những đề nghị Duy Tân cải cách xuất phát từ lòng yêu nước, tư tưởng tiến bộ, muốn Duy Tân phát triển đất nước để đối phó với sự xâm lược của Pháp, bảo vệ độc lập chủ quyền của dân tộc	0,5 đ
	<b>Những nội dung cơ bản</b>	
	+ Về kinh tế, đề cập đến cải cách phát triển nông nghiệp, công nghiệp, thương nghiệp, tài chính, đề cập đến tiềm năng về rừng, biển, khoáng sản. đề nghị có kế hoạch khai thác	0,25đ
	+ Chính trị, công kích những kẻ sâu mọt, tham nhũng, đề nghị cải cách hành chính.	0,25đ
	+ Ngoại giao, quốc phòng: Củng cố, mở rộng quan hệ các nước tư bản, mua sắm vũ khí, huấn luyện quân đội theo kiểu phương Tây	0,25đ
	+ Về giáo dục: Đề xuất tinh thần tự lực, tự cường, khuyến khích lối học mới, khoa học thực dụng, học ngoại ngữ...	0,25đ
	<b>Ý nghĩa</b>	
	+ Thể hiện tinh thần yêu nước, có tâm huyết, có tầm nhìn xa, trông rộng của bộ phận sĩ phu quan lại tiến bộ...	0,5 đ
	+ Góp phần tấn công vào những tư tưởng bảo thủ, hẹp hòi của chế độ phong kiến, chuẩn bị cho sự ra đời của trào lưu duy tân mang màu sắc dân chủ tư sản sôi nổi đầu thế kỉ XX.	0,5 đ

<b>1</b>		<b>Trào lưu cải cách duy tân ở Việt Nam trong những năm cuối thế kỉ XIX:</b>	<b>3 điểm</b>
	<b>a</b>	<b>Các đề nghị cải cách duy tân xuất hiện trong hoàn cảnh :</b>	<b>0.5</b>
		- Trong nửa sau thế kỉ XIX, nền kinh tế Việt Nam tiếp tục lâm vào tình trạng khủng hoảng nghiêm trọng. Nông nghiệp sa sút, công- thương nghiệp bế tắc, tài chính cạn kiệt.	0.25
		- Trước tình hình đó nhà Nguyễn đã tăng cường bóc lột nhân dân, áp dụng cả các biện pháp tiêu cực như : buôn bán thuốc phiện, mua quan bán tước...	0.25
		- Nhiều cuộc khởi nghĩa và bạo loạn nổ ra chống triều đình phong kiến. Nhưng cuối cùng các cuộc khởi nghĩa đó đều thất bại. Tài lực, binh lực của nhà Nguyễn càng thêm suy sụp. Mâu thuẫn giữa các tầng lớp nhân dân với giai cấp phong kiến thống trị ngày càng gay gắt.	
		Vận nước nguy nan đã tác động đến quan lại sĩ phu yêu nước tiến bộ. Nhiều đề nghị cải cách duy tân đã được đưa ra.	
	<b>b</b>	<b>Nêu những nội dung cơ bản của các đề nghị cải cách đó.</b>	<b>1.5</b>
		- Đi đầu trong phong trào đề nghị cải cách đó là một số sĩ phu, quan chức có học vấn cao đặc biệt một số sĩ phu Công giáo như : Nguyễn Hiệp, Lê Đính, Phạm Phú Thứ, Bùi Viện, Nguyễn Lộ Trạch, Đinh Văn Điền, Nguyễn Trường Tộ...	0.25
		+ Khi đi sứ sang Pháp, tận mắt chứng kiến sự phát triển của nước Pháp, về nước Phan Thanh Giản nhiều lần tỏ ý muốn duy tân	0.25
		+ Năm 1868, Đinh Văn Điền một người theo công giáo đã mật trình đề nghị mở mang việc khai mỏ, đóng tàu, biệt đãi người phương Tây...	0.25

	+ Cũng năm 1868, các ông Trần Đình Túc, Nguyễn Huy Tế đi công cán ở Hương Cảng về xin mở cửa biển Trà Lí ( Nam Định) để thông thương với bên ngoài.	0.25
	+ Năm 1872, Viên Thương bạc ( cơ quan đối ngoại của triều đình Huế) đã đề nghị mở ba cửa biển ở Đà Nẵng, Ba Lạt, Đồ Sơn. Một số quan lại khác đi Xiêm, Lê Đình đi Hương Cảng thấy nhiều điều hay đã đề nghị triều đình nên học tập	0.25
	+ Từ năm 1863 đến năm 1871, Nguyễn Trường Tộ đã kiên trì gửi đến triều đình 60 bản điều trần, đề nghị trấn chỉnh bộ máy quan lại, phát triển công thương, tài chính, võ bị, ngoại giao...Những đề nghị của ông đã gây được tiếng vang lớn trong xã hội. Ngoài ra còn có đề xuất cải cách của Nguyễn Lộ Trạch trong những năm 1877 và 1882	0.25
	<b>Tại sao đều xuất hiện vào cuối thế kỉ XIX nhưng cuộc cải cách duy tân ở Nhật Bản thành công còn các đề nghị cải cách ở Việt Nam lại không được thực hiện?</b>	<b>1.0</b>
	<i>* Cải cách Duy tân Nhật Bản thành công vì:</i> - Trước cuộc cải cách nền kinh tế TBCN ở Nhật Bản đã khá phát triển nhất là ở các thành thị...	0.25
	- Cuộc cải cách được khởi xướng bởi Thiên hoàng Minh Trị, một người có tư tưởng đổi mới và nắm thực quyền - Cuộc cải cách nhận được sự ủng hộ của đông đảo quần chúng nhân dân...	0.25
	<i>* Cải cách ở Việt Nam thất bại vì :</i> - Hầu hết các đề nghị cải cách còn lẻ tẻ, rời rạc, nặng về ảnh hưởng bên ngoài mà thiếu cơ sở vật chất để tiếp nhận từ bên trong. Các đề nghị cải cách đều không đi đến yêu cầu cơ bản của lịch sử Việt Nam thời đó là giải quyết hai mâu thuẫn cơ bản trong xã hội Việt Nam : giữa toàn thể dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp xâm lược và giữa nông dân với giai cấp địa chủ phong kiến.	0.25
	- Nguyên nhân quan trọng nhất là do thái độ bảo thủ, phản động của vua quan triều đình nhà Nguyễn đã không chấp nhận thực hiện cải cách...	0.25

<b>Câu 1</b>	<b>“Từ những năm 60 của thế kỉ XIX, nhiều quan lại, sĩ phu tiến bộ thức thời đã đưa ra các đề nghị duy tân... Nhưng vì nhiều lý do, các đề nghị cải cách đó đã không được thực hiện” (SGK 11 nâng cao, trang 240). Bằng hiểu biết của em về trào lưu cải cách Duy tân ở Việt Nam cuối thế kỉ XIX, hãy làm rõ nhận định trên. Theo em, một cuộc cải cách thành công cần có những điều kiện gì?</b>	<b>3 điểm</b>
	<i>* Khái quát hoàn cảnh:</i> - Trong 60 năm đầu của thế kỉ XIX, chế độ phong kiến Việt Nam khủng hoảng toàn diện và sâu sắc (về kinh tế, chính trị, xã hội, quân sự lạc hậu, yếu kém) ...Trong khi nước ta Pháp đang ráo riết chuẩn bị mở rộng xâm lược nước ta -> đặt đất nước trước tình thế hiểm nghèo.	0,25

	- Vận nước nguy nan tác động tới các quan lại sĩ phu yêu nước tiến bộ (Phan Thanh Giản, Đinh Văn Điền, Trần Đình Túc, Nguyễn Huy Tế, Nguyễn Trường Tộ, Nguyễn Lộ Trạch, Đặng Huy Trứ, Phạm Phú Thứ...), nhiều đề nghị cải cách duy tân đã mạnh dạn được đưa ra	0,25
	<p><b>* Nội dung:</b></p> <p>- Sau khi đi sứ sang Pháp, tận mắt chứng kiến sức mạnh và tầm quan trọng của kỹ thuật, công thương - Phan Thanh Giản đã bày tỏ ý muốn duy tân. 1868: Đinh Văn Điền đề nghị mở mang khai mỏ, đóng tàu, biệt đãi người phương Tây, khai thông buôn bán, học binh thư và huấn luyện quân đội theo lối mới ...</p> <p>- Cũng trong năm 1868, Trần Đình Túc, Nguyễn Huy Tế sau khi đi công cán ở Hương Cảng về xin mở cửa biển Trà Lý (Nam Định) để thông thương với bên ngoài, xây dựng một <i>Hương Cảng của Việt Nam</i>. Một số quan lại khác (Nguyễn Hiệp, Lê Đình) cũng đề nghị duy tân...</p> <p>- 1863-1871: Nguyễn Trường Tộ gửi triều đình 60 bản điều trần, đề nghị chấn chỉnh bộ máy quan lại, phát triển công thương tài chính, chấn chỉnh võ bị ngoại giao, cải tổ giáo dục... gây tiếng vang lớn...</p> <p>-&gt; Những đề nghị cải cách duy tân đề cập đến nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội nước ta lúc đó, phản ánh tâm tư muốn thoát khỏi khuôn khổ chật hẹp của chế độ phong kiến đương thời, đưa đất nước thoát khỏi tình trạng lạc hậu, có thể đương đầu với cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp. Nhưng, cuối cùng, hầu hết các đề nghị cải cách đã không được thực hiện.</p>	0,25 0,25 0,25 0,25
	<p><b>* Nguyên nhân các cải cách không được thực hiện</b></p> <p>- Những đề nghị cải cách ra đời trong điều kiện đất nước khủng hoảng về kinh tế; chính trị, xã hội không ổn định, nhân tài vật lực kiệt quệ (yếu tố thiên thời thiếu), cản trở công cuộc duy tân. Mặt khác, những đề nghị cải cách đó đưa ra vào lúc cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp đang ngày càng mở rộng, đang thu hút sự chú ý của toàn xã hội, cho nên đã bị rơi vào quên lãng....</p> <p>- Sự tồn tại của ý thức hệ phong kiến quá lâu, quá sâu, khó có thể thay đổi trong một sớm, một chiều. Thái độ bảo thủ, cố chấp của triều đình (từ vua đến quan)</p> <p>- Những đề nghị cải cách không thể đi sâu vào quần chúng nhân dân, chưa được quần chúng tham gia đông đảo. Bản thân các đề nghị cải cách còn có những hạn chế (tản mạn, rời rạc, thiếu tính khả thi)</p>	0,25 0,25 0,25
	<p><b>* Điều kiện để một cuộc cải cách thành công</b></p> <p>- Phải có sự đồng thuận từ trên xuống dưới, từ trung ương xuống địa phương. Người lãnh đạo phải có quyết tâm, thu phục được nhân tâm, được nhân dân ủng hộ, nhà lãnh đạo đất nước phải biết lắng nghe ý kiến nhân dân, tiếp thu rộng rãi ý kiến nhân dân, biết phát huy trí tuệ của toàn dân</p> <p>- Nội dung cải cách phải phù hợp với đất nước, phải đánh giá đúng sự thật của đất nước, phải nhìn thẳng vào sự thật, phải đáp ứng được những yêu cầu của đất nước đặt ra</p> <p>- Phải thực hiện trong bối cảnh đất nước độc lập, có điều kiện thuận lợi về cơ sở vật chất, hạ tầng xã hội đảm bảo cho cải cách thành công</p>	0,25 0,25 0,25

NỘI DUNG	ĐIỂM
<b>Anh/chị hãy phát biểu ý kiến về nhận định sau: “Cuối thế kỉ XIX, nếu triều đình nhà Nguyễn chấp nhận những đề nghị cải cách thì nước ta không rơi vào tay thực dân Pháp”.</b>	3
<b>* Có ý kiến cho rằng: “Cuối thế kỉ XIX, nếu triều đình nhà Nguyễn chấp nhận những đề nghị cải cách thì nước ta không rơi vào tay thực dân Pháp”. Tuy nhiên, trong bối cảnh cụ thể của VN vào cuối thế kỉ XIX, đặt trong sự so sánh với Nhật Bản và Xiêm thì dù triều đình Tự Đức có thực hiện cải cách thì VN vẫn khó mà bảo vệ được độc lập dân tộc.</b>	0,75

Bởi xét về thời điểm cải cách, chủ thể cải cách, nội dung cải cách, ta sẽ thấy còn nhiều vấn đề bất cập, không khả thi, khó giải quyết.	
<p>- Về thời điểm tiến hành cải cách:</p> <p>+ Vào những năm 50, 60 của thế kỉ XIX, Nhật Bản và Xiêm tiến hành cải cách đất nước trong hoàn cảnh đất nước còn độc lập, còn hoà bình và quyền tự chủ - điều kiện tiên quyết để cải cách duy tân thành công.</p>	0,5
<p>- Về chủ thể tiến hành cải cách:</p> <p>+ Ở VN, tư tưởng cải cách đến từ một bộ phận sĩ phu yêu nước có tư tưởng tiến bộ như: Nguyễn Trường Tộ, Phạm Phú Thứ, Bùi Viện... chứ không phải là một ông vua. Con người Tự Đức không có tố chất, chịu ảnh hưởng của giáo dục phong kiến Nho học, thiên về hàn lâm kinh viện nên khó có thể là một nhà cải cách như Minh Trị hay Rama V. Trong trường hợp Tự Đức có lắng nghe và chấp nhận những đề nghị cải cách của các sĩ phu đương thời thì Tự Đức cũng không thấu hiểu được bản chất của cuộc cải cách đó, nếu có thực thi thì cũng mang tính nửa vời, không triệt để vì sợ ảnh hưởng tới lợi ích của giai cấp, dòng họ.</p>	0.5
<p>- Về nội dung cải cách:</p> <p>+ Trào lưu cải cách duy tân ở Vn cuối thế kỉ XIX còn nhiều hạn chế: nội dung cải cách còn lẻ tẻ, rời rạc, chưa có sự thống nhất; Các đề nghị cải cch không xuất phát từ tình hình thực tế của đất nước, nặng về học tập mô hình do quan sát được từ nước ngoài; Chưa thực sự đụng chạm tới những vấn đề cơ bản của thời đại, đó là giải quyết hai mâu thuẫn chủ yếu của xã hội VN lúc bấy giờ (mâu thuẫn dân tộc và mâu thuẫn giai cấp); Chưa đáp ứng được yêu cầu cấp thiết của quần chúng nhân dân nên những đề nghị cải cách không thể đi sâu vào quần chúng nhân dân, chưa được quần chúng tham gia đông đảo.</p>	0.5
<p>Trong trường hợp nhà Nguyễn có tiến hành cải cách duy tân thì nền tảng là sự ủng hộ của quần chúng nhân dân là không có vì ngay từ khi thành lập vương triều, nhà Nguyễn đã vấp phải sự phản kháng quyết liệt từ nhân dân.</p> <p>Do vậy, nếu nhà Nguyễn tiến hành cải cách duy tân đất nước thì chỉ có thể đóng góp phần nào đó vào sự thay đổi của kinh tế - xã hội, góp phần làm chậm quá trình xâm lược của thực dân Pháp chứ không thể bảo vệ được độc lập dân tộc, Vn vẫn rất khó thoát khỏi thân phận là thuộc địa của thực dân Pháp.</p>	0.75

1	<p><b>Trình bày nội dung các đề nghị cải cách ở Việt Nam cuối thế kỉ XIX? Vì sao những đề nghị cải cách này không được thực hiện?</b></p> <p><b>* Nội dung các đề nghị cải cách ở Việt Nam cuối thế kỉ XIX:</b></p>	1.5
	<p>- Trong hoàn cảnh đất nước bị đe dọa bởi sự xâm lược của thực dân Pháp, nhân dân sống cơ cực, địch họa kề bên, một số sĩ phu yêu nước tiến bộ hi vọng cải cách để cứu vãn tình thế. Vào những năm 60 của thế kỉ XIX, có nhiều ý kiến, đề xuất cải cách được dâng lên triều đình.</p>	0.5
	<p>- Tiêu biểu là:</p> <p>+ Năm 1868, Trần Đình Túc và Nguyễn Huy Tế xin mở cửa biển Trà Lí (Nam Định) thông thương với bên ngoài; Đinh Văn Điền xin khai khẩn ruộng hoang và khai mỏ, phát triển buôn bán, chấn chỉnh quốc phòng.</p>	0.25

	+ 1863 - 1871, Nguyễn Trường Tộ đã kiên trì gửi triều đình 60 bản điều trần, đề cập đến một loạt vấn đề như chấn chỉnh bộ máy quan lại, phát triển công – thương nghiệp và tài chính, chỉnh đốn võ bị, mở rộng ngoại giao, cải tổ giáo dục...	0.25
	+ Năm 1872, Viện Thương bạc - cơ quan phụ trách ngoại giao của triều đình đề xuất mở 3 cửa biển ở miền Bắc và miền Trung để thông thương với bên ngoài.	0.25
	+ 1877 - 1882, Nguyễn Lộ Trạch dâng 2 bản “Thờ vạ sách” lên vua Tự Đức đề nghị chấn hưng dân khí, khai thông dân trí, bảo vệ đất nước.	0.25
	<b>* Những đề nghị cải cách này không được thực hiện vì:</b>	<b>1.5</b>
	- Đất nước khủng hoảng, kinh tế suy yếu, chính trị - xã hội không ổn định. Nhân tài vật lực kiệt quệ, không đủ khả năng tiến hành.	0.25
	- Pháp đang tiến hành xâm lược Việt Nam, vì vậy hoàn cảnh đất nước có chiến tranh nên khó tiến hành cải cách.	0.25
	- Triều đình nhà Nguyễn bảo thủ, cố chấp, bất lực trong việc thích ứng với hoàn cảnh, khu khu ôm lấy cái cũ và không chịu đổi mới (do chịu ảnh hưởng của ý thức hệ phong kiến). Những người có tư tưởng cải cách, ủng hộ cải cách không phải là người nắm quyền lực cao trong triều đình.	0.5
	- Thiếu sự đồng thuận từ trên, từ phía vua và triều đình, đến dưới, thiếu sự tham gia của đông đảo quần chúng nhân dân. Bản thân các đề nghị cải cách còn có những hạn chế: tản mạn, rời rạc, không cụ thể, thiếu tính toàn diện, thiếu tính khả thi.	0.5
<b>1</b>	<b>So sánh tư tưởng canh tân cuối XIX và xu hướng Duy tân đầu thế kỉ XX.</b>	<b>3,0</b>
	<b>* Giống nhau</b> - Cả hai phong trào đều ra đời trong một bối cảnh hết sức đặc biệt: chúng ta đang phải đối đầu với sự xâm lược và thống trị của thực dân Pháp - một nước tư bản có trình độ phát triển hơn hẳn ta.... - Lãnh đạo là những nho sĩ thức thời, phần lớn họ xuất thân từ những gia đình khoa bảng, từng ít nhất một lần có cơ hội xuất ngoại, tận mắt chứng kiến sự kì diệu của văn minh phương Tây, họ nhận thức sâu sắc sự lạc hậu thua kém của chế độ phong kiến. - đều thể hiện tinh thần yêu nước, ý thức tự lực tự cường dân tộc...	<b>0,25</b>  <b>0,25</b> <b>0,25</b>
	<b>* Khác nhau</b> - Người đề xướng + Cuối thế kỉ XIX: Văn thân, sĩ phu có tư tưởng tiến bộ + Đầu thế kỉ XX: Sĩ phu trên con đường tư sản hóa	<b>0,25</b>
	- Mục tiêu + Cuối thế kỉ XIX: Duy tân để bảo vệ độc lập dân tộc + Đầu thế kỉ XX: Duy tân để khôi phục độc lập dân tộc	<b>0,5</b>
	- Nội dung + Cuối thế kỉ XIX: Muốn đất nước đi theo con đường của Nhật Bản, cải tổ chính trị...mở cửa đất nước, thay đổi thái độ với phương Tây...mở mang kinh tế...học tập kĩ thuật quân sự của phương Tây..., cải tổ giáo dục.. + Đầu thế kỉ XX: Đoạn tuyệt với chế độ phong kiến, đưa đất nước tiến lên theo con đường TBCN, mở mang kinh tế công thương nghiệp..., mở trường dạy học theo lối mới...	<b>0,5</b>
	-Phương thức tiến hành + Cuối thế kỉ XIX: Gửi điều trần, đề xuất sáng kiến mong nhà nước quan tâm thực hiện... + Đầu thế kỉ XX: Chủ trương tự lực khai hóa ...Yêu cầu nhà cầm quyền thay đổi cách cai trị	<b>0,5</b>



	<p>- <i>Kết quả</i></p> <p>+ Cuối thế kỉ XIX: Bị vấp phải tư tưởng thủ cựu....triều đình dè dặt, cải cách nhỏ giọt..</p> <p>+ Đầu thế kỉ XX: Góp phần tạo nên diện mạo mới cho kinh tế - xã hội VN như tạo những cơ sở đầu tiên cho nền kinh tế dân tộc hình thành..., tạo cơ sở cho sự ra đời của giai cấp tư sản, giai cấp tiểu tư sản VN sau chiến tranh thế giới thứ nhất..., đặc biệt có đóng góp quan trọng về văn hóa - giáo dục: sử dụng chữ quốc ngữ...</p>	0,5
2	<b>Chứng minh rằng: Phong trào yêu nước cách mạng đầu thế kỉ XX mang tính nhân dân sâu sắc.</b>	2,5
	<p><b><i>*Trước hết tính nhân dân sâu sắc của phong trào yêu nước đầu thế kỉ XX được thể hiện ở qui mô rộng lớn - mang tính toàn quốc.</i></b></p> <p>- Cuộc vận động yêu nước được nhân rộng ở Bắc kì, Trung kì, Nam kì, từ miền xuôi đến miền ngược:</p> <p>+ Bắc kì: Trung tâm là Hà Nội đã thành lập trường Đông Kinh Nghĩa Thục (1907) bên cạnh cơ sở chính ở phố hàng Đào. Đông Kinh Nghĩa Thục còn phát triển cơ sở ở nhiều địa phương như Hà Đông, Bắc Ninh, Hưng Yên, Hải Dương, Thái Bình... Phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục lan rộng vào các tỉnh ở Trung kì và Nam kì như Nghệ An...</p> <p>+ Trung kì: Trong lúc ở Bắc kì có phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục thì ở Trung kì nổi lên cuộc vận động duy tân của Phan Châu Trinh, cuộc vận động cải cách đổi mới đã diễn ra hết sức rầm rộ ở các tỉnh miền Trung như Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Thuận... Ở Bắc Trung Bộ như Nghệ An, Hà Tĩnh, Thanh Hoá... đặc biệt phong trào đã đi sâu vào quần chúng nhân dân và tiến hành cuộc vận động chống sưu thuế quyết liệt vào năm 1908.</p> <p>+ Nam kì: Phong trào Duy tân có những yêu cầu và hình thức tổ chức ở mức độ cao hơn so với Bắc kì và Trung kì. Vì đây là nơi có phong trào xuất dương học sinh sang Nhật hưởng ứng phong trào Đông Du của Phan Bội Châu</p> <p>-Bên cạnh các cuộc vận động rộng lớn này đầu thế kỉ XX phong trào hội kín ở Nam kì phát triển rầm rộ, các cuộc khởi nghĩa vũ trang của đồng bào thiểu số cũng nổ ra quyết liệt ở Tây Bắc, Tây Nguyên...</p>	0,75
	<p><b><i>*Phong trào còn thu hút đông đảo quần chúng nhân dân tham gia</i></b></p> <p>+ Trước hết là các sĩ phu yêu nước tiến bộ đang trong quá trình tư sản hoá như Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh tiếp đó là Lương Văn Can, Nguyễn Quyền cùng những sĩ phu khác như Nguyễn Hàm, Nguyễn Thái Thân, Trần Quý Cáp, Huỳnh Thúc Kháng... Họ tập hợp nhau lại thành lập các tổ chức chính trị như: Hội Duy Tân, Việt Nam quang phục hội...</p> <p>+ Cùng với sự tham gia của các sĩ phu yêu nước tiến bộ thời kì này các tầng lớp mới xuất hiện ở Việt Nam như: tiểu tư sản, tư sản dân tộc mà đặc biệt là đồng bào các dân tộc ít người cũng bị lôi cuốn theo phong trào: Thái, Hmông, Nùng, Dao...đã tiến hành hàng loạt các cuộc khởi nghĩa dưới sự lãnh đạo của các thủ lĩnh người dân tộc như Giàng Tả Chay (Tây Nguyên)...</p> <p>+ Mặt khác, phong trào yêu nước và cách mạng đầu thế kỉ XX còn có sự tham gia của binh lính người Việt trong quân đội Pháp và anh em tù chính trị ở Thái Nguyên (1917)</p>	0,75
<b>NỘI DUNG BÀI HỌC</b>		

<b>*Trào lưu cải cách duy tân ở Việt Nam trong những năm cuối thế kỉ XIX xuất hiện trong bối cảnh lịch sử:</b>		
- Cuối thế kỉ XIX, CNTB chuyển dần sang giai đoạn chủ nghĩa đế quốc, nhu cầu thuộc địa tăng nên có xu hướng đi xâm lược thuộc địa. Thực dân Pháp đang xâm lược nước ta, từ 1858 - 1867, Pháp chiếm được 3 tỉnh miền Tây nên độc lập dân tộc bị đe dọa nghiêm trọng.	0.5	
- Chế độ phong kiến Việt Nam đang trong bước đường khủng hoảng: nông nghiệp tiêu điều xơ xác, thủ công nghiệp tàn lụi, thương nghiệp sút kém, tài chính quốc gia kiệt quệ...	0.5	
- Triều đình vẫn tăng cường bóc lột nhân dân, thậm chí áp dụng những biện pháp tiêu cực như cho nộp tiền chuộc tội, cho buôn bán thuốc phiện, cho mua quan bán tước...Bộ máy chính quyền từ trung ương đến địa phương trở nên sâu mọt, quan lại tha hồ nhũng nhiễu dân lành.	0.5	
- Mâu thuẫn xã hội gay gắt, nhiều cuộc khởi nghĩa bùng nổ, triều đình dồn lực lượng quân sự vào việc đàn áp các cuộc khởi nghĩa khiến binh lực hao mòn. Trong khi đó Pháp đang ráo riết chuẩn bị mở rộng xâm lược nước ta.  -Trước vận nước nguy nan, một số quan lại sĩ phu phong kiến có điều kiện tiếp cận với văn minh nước ngoài đã lên tiếng đề đạt với triều đình những cải cách duy tân: Nguyễn Trường Tộ, Bùi Viện, Nguyễn Lộ Trạch, Phạm Phú Thứ...	0.5	
<b>* Nội dung các đề nghị cải cách ở Việt Nam cuối thế kỉ XIX:</b>		
- Trong hoàn cảnh đất nước bị đe dọa bởi sự xâm lược của thực dân Pháp, nhân dân sống cơ cực, dịch họa kề bên, một số sĩ phu yêu nước tiến bộ hi vọng cải cách để cứu vãn tình thế. Vào những năm 60 của thế kỉ XIX, có nhiều ý kiến, đề xuất cải cách được dâng lên triều đình.		
<b>* Nội dung:</b> - Sau khi đi sứ sang Pháp, tận mắt chứng kiến sức mạnh và tầm quan trọng của kĩ thuật, công thương - Phan Thanh Giản đã bày tỏ ý muốn duy tân. - 1868: Đinh Văn Điền đề nghị mở mang khai mỏ, đóng tàu, biệt đãi người phương Tây, khai thông buôn bán, học binh thư và huấn luyện quân đội theo lối mới ... - Cũng trong năm 1868, Trần Đình Túc, Nguyễn Huy Tế sau khi đi công cán ở Hương Cảng về xin mở cửa biển Trà Lý (Nam Định) để thông thương với bên ngoài, xây dựng một <i>Hương Cảng của Việt Nam</i> . Một số quan lại khác (Nguyễn Hiệp, Lê Đính) cũng đề nghị duy tân... - 1863-1871: Nguyễn Trường Tộ gửi triều đình 60 bản điều trần, đề nghị chấn chỉnh bộ máy quan lại, phát triển công thương tài chính, chấn chỉnh võ bị ngoại giao, cải tổ giáo dục... gây tiếng vang lớn... + Năm 1872, Viện Thương bạc - cơ quan phụ trách ngoại giao của triều đình đề xuất mở 3 cửa biển ở miền Bắc và miền Trung để thông thương với bên ngoài. + 1877 - 1882, Nguyễn Lộ Trạch dâng 2 bản “Thời vụ sách” lên vua Tự Đức đề nghị chấn hưng dân khí, khai thông dân trí, bảo vệ đất nước. -> Những đề nghị cải cách duy tân đề cập đến nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội nước ta lúc đó, phản ánh tâm tư muốn thoát khỏi khuôn khổ chật hẹp của chế độ phong kiến đương thời, đưa đất nước thoát khỏi tình trạng lạc hậu, có thể đương đầu với cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp. Nhưng, cuối cùng, hầu hết các đề nghị cải cách đã không được thực hiện.		
<b>*Những đề nghị cải cách này lại không được thực hiện vì:</b>		
- Những tư tưởng cải cách nhìn chung còn nặng về ảnh hưởng bên ngoài mà thiếu cơ sở vật chất tiếp nhận từ bên trong. Vào thời điểm này, Việt Nam chưa có những cơ sở kinh tế - xã hội để tiếp nhận cải cách...	0.2 5	



- Thực dân Pháp đang tiến hành xâm lược, triều Nguyễn phải tập trung lực lượng đối phó với cuộc chiến tranh xâm lược của Pháp và những cuộc khởi nghĩa của nông dân...	0.2 5
- Mặc dù các đề nghị cải cách đều mạnh dạn hướng đi theo con đường TBCN nhằm giải quyết một phần nào đó yêu cầu của lịch sử nhưng các đề nghị cải cách đó vẫn còn hạn chế, mang tính chất lẻ tẻ, rời rạc...  -Nội dung cải cách đều không đủ động lực để giải quyết hai mâu thuẫn cơ bản của xã hội Việt Nam thời điểm đó là mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc với đế quốc Pháp và nông dân với địa chủ phong kiến...	0.2 5
- Do thái độ bảo thủ, phản động của vua quan triều đình đã bỏ qua không chịu sửa đổi. Tuy có lúc do tình thế thúc bách nên có một vài sự đổi mới song thực hiện một cách lẻ tẻ, chắp vá, miễn cưỡng, các điều chỉnh đó chưa kịp phát huy tác dụng đã bị đình chỉ. ( <b>NN QUAN TRỌNG NHẤT</b> )	0.2 5

**\* Điều kiện để một cuộc cải cách thành công**

- Phải có sự đồng thuận từ trên xuống dưới, từ trung ương xuống địa phương. Người lãnh đạo phải có quyết tâm, thu phục được nhân tâm, được nhân dân ủng hộ, nhà lãnh đạo đất nước phải biết lắng nghe ý kiến nhân dân, tiếp thu rộng rãi ý kiến nhân dân, biết phát huy trí tuệ của toàn dân
- Nội dung cải cách phải phù hợp với đất nước, phải đánh giá đúng sự thật của đất nước, phải nhìn thẳng vào sự thật, phải đáp ứng được những yêu cầu của đất nước đặt ra
- Phải thực hiện trong bối cảnh đất nước độc lập, có điều kiện thuận lợi về cơ sở vật chất, hạ tầng xã hội đảm bảo cho cải cách thành công.

# CHỦ ĐỀ 3: PHONG TRÀO YÊU NƯỚC CHỐNG PHÁP CỦA NHÂN DÂN VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM CUỐI THẾ KỈ XIX

## I. LÝ THUYẾT TRỌNG TÂM

### A. PHONG TRÀO CẦN VƯƠNG (1885 – 1896)

#### 1. Bối cảnh lịch sử:

- + Mâu thuẫn giữa nhân dân Việt Nam với thực dân Pháp, tay sai phát triển gay gắt.
- + Nội bộ triều Nguyễn phân hoá thành 2 phe chủ chiến và chủ hoà. Sau hiệp ước Pa-tơ-nốt (1884), phe chủ chiến vẫn nuôi hi vọng khôi phục chủ quyền.
- + Thực dân Pháp tìm mọi cách tiêu diệt phái chủ chiến.
- + Đêm ngày 4 rạng sáng 5/7/1885, phe chủ chiến tổ chức cuộc phản công ở kinh thành Huế để giành thế chủ động nhưng thất bại.
- + Tôn Thất Thuyết đưa vua Hàm Nghi ra Quảng Trị, xuống chiếu Cần vương, kêu gọi văn thân, sĩ phu đứng lên giúp vua cứu nước.



#### 2. Các giai đoạn phát triển: (2 giai đoạn)

##### \* *Giai đoạn 1885-1888:*

Lãnh đạo: Vua Hàm Nghi, Tôn Thất Thuyết và các văn thân, sĩ phu yêu nước.

Lực lượng: Đông đảo nhân dân, dân tộc thiểu số.

Địa bàn: Rộng lớn khắp Bắc Kỳ và Trung Kỳ.

Các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu: Khởi nghĩa Mai Xuân Thưởng (Bình Định). Đề đốc Tạ Hiện (Thái Bình), Nguyễn Thiện Thuật (Hưng Yên).

Kết quả: Năm 1888, vua Hàm Nghi bị bắt và đi đày ở An-giê-ri.

##### \* *Giai đoạn 1888-1896:*

Lãnh đạo: Các văn thân, sĩ phu yêu nước.

Lực lượng: Đông đảo nhân dân, dân tộc thiểu số.

Địa bàn: chuyển trọng tâm lên vùng núi và trung du.

Các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu: Khởi nghĩa Bãi Sậy, Hùng Lĩnh, Hương Khê...

Kết quả: Năm 1896, khởi nghĩa Hương Khê bị đàn áp đánh dấu sự thất bại của phong trào Cần vương.

**Tính chất chung: Phong trào yêu nước chống Pháp theo ý thức hệ phong kiến.**

#### 3. Một số cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong phong trào Cần vương

##### \* *Khởi nghĩa Bãi Sậy (1883 – 1892)*

Lãnh đạo: Nguyễn Thiện Thuật, Đốc Tít.

Địa bàn: Hưng Yên, Hải Dương, Bắc Ninh, Thái Bình...

Diễn biến chính:

- 1885 – 1887: nghĩa quân đẩy lùi nhiều cuộc càn quét của quân Pháp.
- Từ năm 1888, Pháp quyết tiêu diệt cuộc đấu tranh.
- Năm 1892, thủ lĩnh cuối cùng bị bắt.

Kết quả: Thất bại.

Bài học kinh nghiệm: Để lại bài học kinh nghiệm tác chiến ở đồng bằng.

**\* *Khởi nghĩa Ba Đình (1886 – 1887)***

Lãnh đạo: Phạm Bành, Đinh Công Tráng.

Địa bàn: 3 làng Thượng Thọ, Mậu Thịnh, Mĩ Khê (Nga Sơn, Thanh Hoá).

Diễn biến chính:

- Nghĩa quân tổ chức chặn đánh các đoàn xe vận tải của Pháp.
- Tháng 12 – 1886, Pháp tập trung tấn công vào Ba Đình nhưng thất bại.  
→ Pháp cho bao vây căn cứ.
- Nghĩa quân phải mở đường máu rút lên Mã Cao, sáp nhập với nghĩa quân Cầm Bá Thước.
- Năm 1887, Đinh Công Tráng bị giết hại.

Kết quả: Thất bại.

Bài học kinh nghiệm: Cần biết lợi dụng địa hình, địa vật, tránh thủ hiểm một nơi.

**\* *Khởi nghĩa Hương Khê (1885 – 1899)***

Lãnh đạo: Phan Đình Phùng, Cao Thắng.

Địa bàn: Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình.

Diễn biến chính:

- 1885 – 1888: giai đoạn chuẩn bị, xây dựng lực lượng, cơ sở chiến đấu.
- 1888 – 1896: thời kì chiến đấu quyết liệt của nghĩa quân, giành được một số thắng lợi lớn.  
→ Là cuộc khởi nghĩa lớn nhất trong phong trào Cần vương.
- Cuối năm 1896, Phan Đình Phùng hi sinh.

Kết quả: Thất bại.

Bài học kinh nghiệm: Bài học về đường lối, phương pháp tổ chức, lãnh đạo.

**4. Nguyên nhân thất bại, ý nghĩa lịch sử của phong trào Cần vương:**

**\* *Nguyên nhân thất bại:***

- *Khách quan:*

- + Sự chênh lệch về tương quan lực lượng giữa Việt Nam với Pháp.
- + Sự phản bội của triều đình phong kiến đầu hàng.

- *Chủ quan:*

- + Thiếu một giai cấp lãnh đạo tiên tiến và đường lối đấu tranh đúng đắn.
- + Các cuộc đấu tranh diễn ra lẻ tẻ, chưa có sự liên kết, thống nhất.
- + Chưa kết hợp nhiều hình thức đấu tranh.

**\* *Ý nghĩa lịch sử:***

- Thể hiện tinh thần yêu nước của nhân dân Việt Nam.
- Làm chậm quá trình bình định của Pháp.
- Để lại nhiều bài học kinh nghiệm cho các phong trào cứu nước sau này.

- Chứng tỏ con đường cứu nước phong kiến không còn phù hợp.

→ Yêu cầu tìm kiếm con đường cứu nước mới.

## **B. KHỞI NGHĨA YÊN THẾ (1884 – 1914)**

### **1. Bối cảnh lịch sử**

- Sự sa sút của nông nghiệp thời Nguyễn khiến nhiều nông dân Bắc Kỳ đi phiêu tán, trong đó một bộ phận lên Yên Thế xây dựng cuộc sống mới.

- Chủ trương bình định Trung du miền núi Bắc Kỳ trong đó có Yên Thế của Pháp.

→ Để bảo vệ cuộc sống của mình, nông dân Yên Thế đã đứng lên đấu tranh.



### **2. Diễn biến:**

- 1884 – 1892: Các toán nghĩa quân hoạt động riêng lẻ. Thủ lĩnh uy tín nhất là Đề Nắm. Năm 1892, Đề Nắm bị sát hại, Đề Thám lên thay, trở thành thủ lĩnh tối cao.

- 1893 – 1897: Vừa chiến đấu, vừa giảng hoà với thực dân Pháp.

- 1898 – 1908: 10 năm hoà hoãn. Nhiều nhà yêu nước như Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh đã đến Yên Thế giao tiếp với Đề Thám.

- 1909 – 1913: Pháp mở cuộc tấn công quyết định lên Yên Thế. Đề Thám bị sát hại. Phong trào dần tan rã.

### **3. Nguyên nhân thất bại, ý nghĩa lịch sử**

#### **\* Nguyên nhân thất bại:**

- Thiếu sự lãnh đạo của một lực lượng xã hội tiên tiến.

- Khởi nghĩa mang nặng tính địa phương nhỏ hẹp.

- Tương quan lực lượng quá chênh lệch.

#### **\* Ý nghĩa lịch sử:**

- Bồi đắp thêm truyền thống đấu tranh chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam.

- Làm chậm quá trình bình định của Pháp.

- Chứng tỏ khả năng cách mạng của nông dân.

- Để lại nhiều bài học kinh nghiệm cho các cuộc đấu tranh ở giai đoạn sau.

## **II. HỆ THỐNG CÂU HỎI ÔN LUYỆN**

**Câu 1.** Hãy trình bày diễn biến của phong trào Cần vương từ năm 1888 đến năm 1896.

**Câu 2.** Tóm tắt cuộc khởi nghĩa Bãi Sậy và cuộc khởi nghĩa Ba Đình.

**Câu 3.** Phong trào Cần vương bùng nổ trong hoàn cảnh nào?

**Câu 4.** Diễn biến cuộc phản công của phái chủ chiến ở kinh thành Huế (tháng 7/1885). Nội dung và tác dụng của Chiếu Cần vương.

**Câu 5.** Tóm lược diễn biến hai giai đoạn của phong trào Cần vương chống Pháp cuối thế kỷ XIX và rút ra đặc điểm của mỗi giai đoạn.

**Câu 6.** Trình bày diễn biến chính của khởi nghĩa Bãi Sậy. Nêu những đặc điểm về tổ chức và hoạt động của nghĩa quân Bãi Sậy.

**Câu 5.** Căn cứ Ba Đình được xây dựng như thế nào? Diễn biến của khởi nghĩa Ba Đình.

**Câu 6.** Tóm lược các giai đoạn của khởi nghĩa Hương Khê. Tại sao khởi nghĩa Hương Khê được coi là cuộc khởi nghĩa tiêu biểu nhất trong phong trào Cần vương.

**Câu 7.** Tóm lược các giai đoạn phát triển của cuộc khởi nghĩa Yên Thế từ năm 1884 đến 1913.

**Câu 8.** Lập bảng hệ thống kiến thức về các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong phong trào Cần vương.

**Câu 9.** Khởi nghĩa Yên Thế có những đặc điểm nào giống và khác so với các cuộc khởi nghĩa trong phong trào Cần vương chống Pháp?

**Câu 10.** Hãy so sánh khởi nghĩa Hương Khê với các cuộc khởi nghĩa Cần vương khác.

**Câu 11.** Những nguyên nhân nào khiến cho các cuộc khởi nghĩa chống Pháp cuối thế kỷ XIX thất bại?

### **Đáp án**

**Câu 1.** Hãy trình bày diễn biến của phong trào Cần vương từ năm 1888 đến năm 1896.

- Ở giai đoạn này không còn sự chỉ huy của triều đình kháng chiến, nhưng phong trào vẫn tiếp tục phát triển và quy tụ dần thành các trung tâm lớn, tồn tại bền bỉ và ngày càng có xu hướng đi vào chiều sâu.

- Trước những cuộc hành quân càn quét dữ dội của thực dân Pháp, phong trào ở vùng đồng bằng ngày càng bị thu hẹp và chuyển trọng tâm hoạt động lên vùng trung du và miền núi. Tiêu biểu là cuộc khởi nghĩa Hùng Lĩnh do Cao Điền và Tống Duy Tân lãnh đạo, hoạt động ở vùng rừng núi phía Tây tỉnh Thanh Hóa; khởi nghĩa Hương Khê do Phan Đình Phùng và Cao Thắng lãnh đạo.

- Khi tiếng súng kháng chiến đã im trên núi Vụ Quang (Hương Khê - Hà Tĩnh) vào cuối năm 1895 đầu năm 1896, phong trào Cần vương coi như chấm dứt.

**Câu 2.** Tóm tắt cuộc khởi nghĩa Bãi Sậy và cuộc khởi nghĩa Ba Đình.

*\* Cuộc khởi nghĩa Bãi Sậy (1883 - 1892):*

- Từ năm 1883, Đinh Gia Quế đã lãnh đạo nghĩa quân hoạt động ở vùng Bãi Sậy (Hưng Yên). Năm 1885, hưởng ứng “Chiếu Cần vương” phong trào kháng Pháp lại bùng lên mạnh mẽ dưới sự chỉ huy của Nguyễn Thiện Thuật.

- Dựa vào vùng lau lách um tùm và đầm lầy thuộc các huyện Văn Lâm, Văn Giang, Khoái Châu, Yên Mỹ... nghĩa quân xây dựng căn cứ và triệt để áp dụng chiến thuật đánh du kích.

- Sau những trận chống càn quyết liệt, lực lượng nghĩa quân suy giảm và rơi vào thế bị bao vây, cô lập. Năm 1889, Nguyễn Thiện Thuật sang Trung Quốc, phong trào tiếp tục một thời gian rồi tan rã.

*\* Cuộc khởi nghĩa Ba Đình (1886 - 1887):*

- Cự điểm Ba Đình thuộc huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Lãnh đạo là Phạm Bành và Đinh Công Tráng. Nghĩa quân lợi dụng địa hình của các làng Mậu Thịnh, Thượng Thọ, Mĩ Khê để xây dựng một chiến tuyến phòng thủ kiên cố.

- Cuộc chiến đấu quyết liệt từ tháng 12/1886 đến tháng 1/1887 khi giặc Pháp mở cuộc tấn công quy mô vào căn cứ.

- Nghĩa quân đã chiến đấu anh dũng suốt 34 ngày đêm, đẩy lùi nhiều đợt tấn công của địch. Cuối cùng, để chấm dứt cuộc vây hãm, giặc ra sức phun dầu thiêu trụi các lũy tre, triệt hạ và xóa tên ba làng trên bản đồ hành chính.

**Câu 3.** Phong trào Cần vương bùng nổ trong hoàn cảnh nào?

- Sau hai Hiệp ước Hắc-măng và Pa-tơ-nôt, thực dân Pháp đã hoàn thành về cơ bản cuộc xâm lược Việt Nam. Chúng bắt đầu xúc tiến việc thiết lập bộ máy chính quyền thực dân và chế độ bảo hộ lên phần lãnh thổ Bắc Kỳ và Trung Kỳ.
- Phong trào phản đối Hiệp ước 1883 và 1884 diễn ra rất sôi nổi. Nhiều toán nghĩa quân hoạt động mạnh ở các vùng xung quanh Hà Nội, Bắc Ninh, Sơn Tây, Hải Dương...
- Dựa vào phong trào kháng chiến của nhân dân, phái chủ chiến trong triều đình Huế mà đại diện là Tôn Thất Thuyết (Thượng thư Bộ Binh) và Nguyễn Văn Tường (Thượng thư Bộ Lại) đã mạnh tay hành động.
- Đêm mùng 4 rạng ngày 5/7/1885, Tôn Thất Thuyết đã hạ lệnh cho các đạo quân của mình tấn công. Một số tên Pháp bị tiêu diệt tại đồn Mang Cá, tòa Khâm sứ.
- Tôn Thất Thuyết phải đưa vua Hàm Nghi và Tam cung ra khỏi Hoàng thành, rồi chạy ra sơn phòng Tân Sở (Quảng Trị). Ngày 13/7/1885, Tôn Thất Thuyết dưới danh nghĩa Hàm Nghi xuống chiếu Cần vương, kêu gọi văn thân, sĩ phu và nhân dân cả nước đứng lên, vì vua mà kháng chiến.
- Chiếu Cần vương đã nhanh chóng thổi bùng lên ngọn lửa yêu nước của nhân dân ta, tạo thành phong trào vũ trang chống Pháp diễn ra sôi nổi, liên tục kéo dài hơn 10 năm.

**Câu 4.** Diễn biến cuộc phản công của phái chủ chiến ở kinh thành Huế (tháng 7/1885). Nội dung và tác dụng của Chiếu Cần vương.

*- Diễn biến:*

- + Đêm mùng 4 rạng ngày 5/7/1885, trong khi Toàn quyền tại Việt Nam là Cuốc-xi đang mãi mê yến tiệc tại tòa Khâm sứ Pháp ở Huế, Tôn Thất Thuyết đã hạ lệnh cho các đạo quân tấn công. Một số tên Pháp bị tiêu diệt tại đồn Mang Cá, tòa Khâm sứ. Cuộc chiến đấu diễn ra vô cùng ác liệt, song do chuẩn bị vội vã, thiếu chu đáo nên sức chiến đấu của quân ta nhanh chóng giảm sút. Sáng 6/7, quân Pháp phản công. Chúng cướp bóc và tàn sát nhân dân ta vô cùng man rợ.
- + Tôn Thất Thuyết phải đưa vua Hàm Nghi và Tam cung ra khỏi Hoàng thành rồi chạy ra sơn phòng Tân Sở (Quảng Trị). Ngày 13/7/1885, Tôn Thất Thuyết dưới danh nghĩa Hàm Nghi xuống Chiếu Cần vương, kêu gọi văn thân, sĩ phu và nhân dân cả nước đứng lên, vì vua mà kháng chiến.

*- Nội dung:*

- + Tố cáo âm mưu xâm lược Việt Nam của thực dân Pháp.
- + Lên án sự phản bội của một số quan lại, tính bất hợp pháp của triều đình Đồng Khánh do Pháp mới dựng lên.
- + Khích lệ sĩ phu, văn thân và nhân dân cả nước quyết tâm kháng chiến chống Pháp đến cùng.

*- Tác dụng của Chiếu Cần vương:*

- + Chiếu Cần vương đã nhanh chóng thổi bùng ngọn lửa yêu nước của nhân dân ta.
- + Tạo thành phong trào vũ trang chống Pháp diễn ra sôi nổi, liên tục kéo dài 10 năm, đến cuối thế kỉ XIX mới chấm dứt.

**Câu 5.** Tóm lược diễn biến hai giai đoạn của phong trào Cần vương chống Pháp cuối thế kỉ XIX và rút ra đặc điểm của mỗi giai đoạn.

- *Giai đoạn 1: Từ năm 1885 đến tháng 11/1888.*

- + Phong trào được đặt dưới sự chỉ huy của vua Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết.
- + Hàng trăm cuộc khởi nghĩa lớn nhỏ đã nổ ra trên phạm vi cả nước, từ Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng Bình, Quảng Ngãi, Bình Định cho tới Khánh Hòa, Phú Yên. Tiêu biểu là cuộc khởi nghĩa của Mai Xuân Thưởng ở Bình Định. Cùng nổi dậy còn có Bùi Điền, Nguyễn Đức Nhuận, Đào Doãn Dịch, Nguyễn Duy Cung...
- + Lúc này, phò tá vua Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết còn có nhiều văn thân, sĩ phu và các tướng lĩnh khác như: Trần Xuân Soạn, Tôn Thất Đàm, Tôn Thất Thiệp (hai con của Tôn Thất Thuyết), Phạm Tường, Trần Văn Định. Bộ chỉ huy của phong trào đóng tại vùng rừng núi phía tây hai tỉnh Quảng Bình và Hà Tĩnh.
- + Cuối năm 1888, do sự phản bội của Trương Quang Ngọc, vua Hàm Nghi rơi vào tay giặc. Nhà vua đã kiên quyết cự tuyệt mọi sự dụ dỗ của Pháp, chịu án lưu đày sang An-giê-ri (Bắc Phi).
- + Đặc điểm: Phong trào đặt dưới sự chỉ huy của vua Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết, quy mô phong trào lan rộng khắp các tỉnh ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ.

- *Giai đoạn 2: Từ năm 1888 đến năm 1895:*

- + Ở giai đoạn này không còn sự chỉ huy của triều đình kháng chiến, nhưng phong trào vẫn tiếp tục phát triển và quy tụ dần thành các trung tâm lớn, tồn tại bền bỉ và ngày càng có xu hướng đi vào chiều sâu.
- + Trước những cuộc hành quân càn quét dữ dội của thực dân Pháp, phong trào ở vùng đồng bằng ngày càng bị thu hẹp và chuyển trọng tâm hoạt động lên vùng trung du và miền núi. Tiêu biểu là cuộc khởi nghĩa Hùng Lĩnh do Cao Diên và Tống Duy Tân lãnh đạo, hoạt động ở vùng rừng núi phía tây tỉnh Thanh Hóa; khởi nghĩa Hương Khê do Phan Đình Phùng và Cao Thắng lãnh đạo.
- + Khi tiếng súng kháng chiến đã im trên núi Vụ Quang (Hương Khê - Hà Tĩnh) vào cuối năm 1895, phong trào Cần vương coi như chấm dứt.
- + Đặc điểm: phong trào tiếp tục phát triển dù không còn sự chỉ huy của triều đình; chuyển trọng tâm hoạt động lên các vùng trung du và miền núi; quy tụ thành những trung tâm khởi nghĩa lớn, có trình độ tổ chức cao hơn.

**Câu 6.** Trình bày diễn biến chính của khởi nghĩa Bãi Sậy. Nêu những đặc điểm về tổ chức và hoạt động của nghĩa quân Bãi Sậy.

*\* Diễn biến chính:*

- Từ năm 1883, Đinh Gia Quế đã lãnh đạo nghĩa quân hoạt động ở vùng Bãi Sậy (Hưng Yên). Năm 1885, hưởng ứng Chiêu Cần vương, phong trào kháng Pháp lại bùng lên mạnh mẽ dưới sự chỉ huy của Nguyễn Thiện Thuật.
- Dựa vào vùng lau lách um tùm và đầm lầy thuộc các huyện Văn Lâm, Văn Giang, Khoái Châu, Yên Mỹ... nghĩa quân xây dựng căn cứ và triệt để áp dụng chiến thuật đánh du kích.
- Khởi nghĩa trải qua hai giai đoạn:

+ Từ năm 1885 đến năm 1887: Nghĩa quân đẩy lùi nhiều cuộc càn quét của Pháp ở cả vùng Văn Giang, Khoái Châu và các vùng ở căn cứ Hai Sông. Nhiều trận đánh ác liệt diễn ra ở các tỉnh Hưng Yên, Hải Dương, Bắc Ninh, Thái Bình...

- Từ năm 1885 trở đi: Nghĩa quân bước vào giai đoạn chiến đấu quyết liệt. Thực dân Pháp tăng viện binh, cho xây dựng hệ thống đồn bốt dày đặc, thực hiện chính sách “dùng người Việt trị người Việt” để cô lập nghĩa quân. Nghĩa quân đã chiến đấu rất dũng cảm. Năm 1889, Nguyễn Thiện Thuật sang Trung Quốc, phong trào tiếp tục một thời gian rồi tan rã.

*\* Nêu những đặc điểm về tổ chức và hoạt động:*

- Khởi nghĩa Bãi Sậy dựa vào địa thế thuận lợi. Nghĩa quân đã sử dụng lối đánh du kích độc đáo, lợi hại, phân tán thành nhóm nhỏ, khi ẩn, khi hiện, chủ động phục kích giặc trên đường đi hoặc tập kích các đồn lẻ của chúng.

- Phương thức tổ chức và hoạt động tác chiến của nghĩa quân trên địa hình đồng bằng, đất hẹp, người đông.

- Việc xây dựng căn cứ sáng tạo của nghĩa quân, giúp cuộc khởi nghĩa tồn tại lâu hơn.

**Câu 5.** Căn cứ Ba Đình được xây dựng như thế nào? Diễn biến của khởi nghĩa Ba Đình.

*\* Căn cứ Ba Đình:*

- Căn cứ Ba Đình được xây dựng ở ba làng Mậu Thịnh, Thượng Thọ, Mĩ Khê (huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa).

- Cấu trúc căn cứ Ba Đình khá độc đáo:

+ Lợi dụng lũy tre làng dày đặc và vùng đầm lầy để làm chiến tuyến tự nhiên.

+ Xây dựng căn cứ có hệ thống hào rộng, rồi đến lớp thành đất cao, chân thành rộng, trên thành có các lỗ châu mai. Thành có hệ thống giao thông hào để vận động và tiếp tế khi chiến đấu.

+ Xây dựng thêm một số công sự để bảo vệ ruộng đồng, làng mạc.

+ Ngoài Ba Đình, nghĩa quân xây dựng thêm căn cứ khác như Mã Cao (ở phía tây bắc Ba Đình) để làm nhiệm vụ cảnh báo, phòng khi bị tấn công.

*\* Diễn biến của khởi nghĩa Ba Đình:*

- Lãnh đạo là Phạm Bành và Đinh Công Tráng.

- Cuộc chiến đấu quyết liệt từ tháng 12/1886 đến tháng 1/1887 khi giặc Pháp mở cuộc tấn công quy mô vào căn cứ.

+ Tháng 12/1886, thực dân Pháp tập trung 500 quân, mở cuộc tấn công vào căn cứ Ba Đình, nhưng thất bại.

+ Ngày 6/1/1887, Pháp lại huy động khoảng 2.500 quân, dưới sự chỉ huy của Đại tá Brít-xô tấn công vào Ba Đình. Cuộc chiến đấu diễn ra ác liệt. Cả hai bên đều bị thương vong rất nhiều.

+ Trước sức tấn công áp đảo của địch, đêm 20/1/1887, nghĩa quân đã mở đường máu rút lên Mã Cao. Sáng ngày 21/1/1887, khi chiếm được căn cứ, thực dân Pháp điên cuồng đốt phá và sau đó ra lệnh xóa tên ba làng Thượng Thọ, Mậu Thịnh, Mĩ Khê.



+ Nghĩa quân phải rút về Mã Cao, cầm cự một thời gian, rồi bị đẩy vào miền tây Thanh Hóa và sáp nhập vào đội quân của Cầm Bá Thước.

**Câu 6.** Tóm lược các giai đoạn của khởi nghĩa Hương Khê. Tại sao khởi nghĩa Hương Khê được coi là cuộc khởi nghĩa tiêu biểu nhất trong phong trào Cần vương.

*\* Tóm lược:*

- *Giai đoạn 1:* Từ năm 1885 - 1888 là giai đoạn chuẩn bị lực lượng, xây dựng cơ sở chiến đấu của nghĩa quân. Nghĩa quân lo tổ chức, huấn luyện xây dựng công sự, rèn đúc vũ khí và tích trữ lương thực.

- *Giai đoạn 2:* Từ năm 1888 đến 1896, nghĩa quân bước vào giai đoạn chiến đấu quyết liệt, dựa vào rừng núi, đẩy lùi nhiều cuộc hành quân càn quét của địch. Nhiều trận đánh nổi tiếng đã diễn ra, như trận tấn công đồn Trường Lưu (5/1890), trận tập kích thị xã Hà Tĩnh (8/1892), trận tấn công vào công đồn Nu (Thanh Hóa).

- Để đối phó, thực dân Pháp tập trung binh lực và xây dựng hệ thống đồn bốt nhằm bao vây cô lập nghĩa quân, mở nhiều cuộc hành quân tấn công quy mô vào Ngàn Trươi, căn cứ chính của nghĩa quân.

- Lực lượng nghĩa quân suy yếu dần, sau khi Phan Đình Phùng mất (28/12/1895), các thủ lĩnh còn lại tiếp tục chiến đấu thêm một thời gian. Đến năm 1896, phong trào tan rã.

*\* Nguyên nhân:*

- Địa bàn hoạt động của khởi nghĩa rộng cả 4 tỉnh Bắc Trung Kỳ.

- Khởi nghĩa kéo dài suốt 10 năm (từ năm 1885 đến 1895).

- Lãnh đạo khởi nghĩa là những người có uy tín, tài năng như Phan Đình Phùng, Cao Thắng: chú trọng chuẩn bị lực lượng để khởi nghĩa lâu dài; tổ chức nghĩa quân thành các quân thứ; chế tạo được súng trường theo mẫu của Pháp.

- Lực lượng nghĩa quân tham gia khởi nghĩa đông đảo, chủ yếu là nông dân.

- Chủ động tiến hành nhiều trận đánh lớn như trận phục kích địch ở núi Vụ Quang, tập kích thị xã Hà Tĩnh, trận tấn công đồn Nu,... gây cho Pháp nhiều thiệt hại.

**Câu 7.** Tóm lược các giai đoạn phát triển của cuộc khởi nghĩa Yên Thế từ năm 1884 đến 1913.

- Giai đoạn 1884 - 1892: nghĩa quân hoạt động riêng lẻ, chưa có sự chỉ huy thống nhất, thủ lĩnh uy tín nhất là Đề Năm. Sau khi Đề Năm mất, Đề Thám trở thành thủ lĩnh của cuộc khởi nghĩa.

- Giai đoạn 1893 - 1897: nghĩa quân vừa chiến đấu vừa xây dựng cơ sở.

+ Thấy tương quan lực lượng chênh lệch, Đề Thám tìm cách giảng hòa.

+ Sau khi phục kích bắt được tên chủ người Pháp Sét-nay, Đề Thám đồng ý thả tên này với điều kiện Pháp phải rút khỏi Yên Thế, Đề Thám cai quản bốn tổng Nhã Nam, Mục Sơn, Yên Lễ, Hữu Thượng.

+ Thời gian giảng hòa không bao lâu, thực dân Pháp tiếp tục tấn công trở lại. Lực lượng của Đề Thám bị tổn thất, suy yếu nhanh chóng. Để cứu vãn tình thế, Đề Thám xin giảng hòa lần thứ hai.

- Giai đoạn 1898 - 1908: Tranh thủ thời gian hòa hoãn, Đề Thám cho khai khẩn đồn điền Phồn Xương, tích trữ lương thực, xây dựng đội quân tinh nhuệ, sẵn sàng chiến đấu.

- Giai đoạn 1909 - 1913: Phát hiện thấy Đề Thám có dính líu đến vụ đầu độc trại lính Pháp ở Hà Nội, thực dân Pháp tập trung lực lượng tấn công quy mô lên Yên Thế. Lực lượng nghĩa quân hao mòn dần. Ngày 10/2/1913, Đề Thám bị sát hại, phong trào tan rã.

**Câu 8.** Lập bảng hệ thống kiến thức về các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong phong trào Cần vương.

<b>Tên cuộc khởi nghĩa</b>	<b>Thời gian</b>	<b>Người lãnh đạo</b>	<b>Hoạt động nổi bật</b>	<b>Ý nghĩa</b>	<b>Bài học kinh nghiệm</b>
Khởi nghĩa Bãi Sậy	Năm 1883 đến năm 1892	Đinh Gia Quế, Nguyễn Thiện Thuật	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng nhiều căn cứ ở vùng đồng bằng Bắc Bộ.</li> <li>- Chia thành nhiều đội nhỏ, đánh du kích.</li> <li>- Nhiều trận đánh ác liệt diễn ra tại Hưng Yên, Hải Dương, Bắc Ninh, Thái Bình...</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiêu diệt nhiều sinh lực địch.</li> <li>- Khống chế các tuyến giao thông đường bộ và đường thủy của địch.</li> </ul>	- Để lại bài học kinh nghiệm về chiến tranh du kích và xây dựng căn cứ địa cách mạng
Khởi nghĩa Ba Đình	Năm 1886 đến năm 1887	Phạm Bành, Đinh Công Tráng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng công sự kiên cố, có cấu trúc độc đáo.</li> <li>- Trận đánh nổi tiến nhất diễn ra vào tháng 1/1887.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiêu hao sinh lực địch, làm chậm quá trình bình định vùng Bắc Trung Kỳ của thực dân Pháp</li> </ul>	- Để lại nhiều bài học kinh nghiệm về tổ chức nghĩa quân và xây dựng căn cứ khởi nghĩa.
Khởi nghĩa Hương Khê	Năm 1885 đến năm 1896	Phan Đình Phùng – Cao Thắng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuẩn bị lực lượng, xây dựng cơ sở chiến đấu, căn cứ kháng chiến, huấn luyện quân sự, chế tạo vũ khí.</li> <li>- Trận đánh nổi tiếng ở núi Vụ Quang tháng 10/1894, tiêu diệt hàng chục tên địch.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đây là cuộc khởi nghĩa tiêu biểu nhất trong phong trào Cần vương cuối thế kỉ XIX.</li> </ul>	- Để lại những bài học kinh nghiệm về xây dựng căn cứ, về tổ chức khởi nghĩa và chiến thuật tác chiến.

**Câu 9.** Khởi nghĩa Yên Thế có những đặc điểm nào giống và khác so với các cuộc khởi nghĩa trong phong trào Cần vương chống Pháp?

- Phong trào Cần vương cuối thế kỉ XIX và cuộc khởi nghĩa Yên Thế cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX có những điểm chung sau đây:

+ Điều là phong trào yêu nước theo xu hướng phong kiến; thể hiện lòng yêu nước và ý chí đấu tranh chống thực dân Pháp giải phóng dân tộc.

+ Lực lượng tham gia phong trào đấu tranh chống Pháp là đông đảo quần chúng nhân dân lao động, chủ yếu là nông dân.

+ Chủ yếu diễn ra dưới hình thức khởi nghĩa vũ trang, góp phần làm chậm quá trình bình định Việt Nam bằng quân sự của thực dân Pháp.

+ Phong trào cuối cùng bị thất bại vì thiếu giai cấp tiên tiến lãnh đạo với đường lối cách mạng đúng đắn.

+ Điều xây dựng căn cứ chiến đấu ở những nơi có địa thế hiểm yếu, vận dụng linh hoạt lối đánh du kích.

- Những điểm khác nhau giữa hai phong trào:

+ Về lãnh đạo: Trong phong trào Cần vương, lãnh đạo là quan lại, sĩ phu yêu nước, trong cuộc khởi nghĩa Yên Thế, lãnh đạo là những người xuất thân từ nông dân.

+ Về địa bàn hoạt động: Trong phong trào Cần vương, diễn ra nhiều cuộc khởi nghĩa lớn nhỏ ở Bắc và Trung Kỳ. Trong khởi nghĩa Yên Thế, địa bàn chủ yếu ở vùng Yên Thế (Bắc Giang) và những vùng phụ cận.

+ Về hình thức, phương pháp đấu tranh: các cuộc khởi nghĩa trong phong trào Cần vương sử dụng hình thức đấu tranh vũ trang thô sơ, thủ hiểm. Nghĩa quân Yên Thế có sự kết hợp sách lược hòa hoãn với Pháp trong quá trình tổ chức và tiến hành khởi nghĩa vũ trang.

+ Về thời gian tồn tại: Khởi nghĩa Yên Thế tồn tại lâu hơn bất cứ cuộc khởi nghĩa nào trong phong trào Cần vương.

**Câu 10.** Hãy so sánh khởi nghĩa Hương Khê với các cuộc khởi nghĩa Cần vương khác.

- Về địa bàn hoạt động: Địa bàn của khởi nghĩa Hương Khê rộng hơn các cuộc khởi nghĩa khác, đó là: địa bàn gồm bốn tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, thậm chí có lúc sang cả địa phận nước Lào.

- Người lãnh đạo: Điều do văn thân, sĩ phu lãnh đạo và có các lãnh tụ nông dân khác hỗ trợ.

- Lực lượng: Lực lượng nghĩa quân Hương Khê bao gồm đông đảo nông dân, các dân tộc thiểu số ở miền núi Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình.

- Trình độ tổ chức: Khởi nghĩa Hương Khê có trình độ tổ chức cao nhất trong phong trào Cần vương cuối thế kỉ XIX.

- Thời gian: Khởi nghĩa Hương Khê kéo dài 10 năm (1885 - 1895), dài nhất trong các cuộc khởi nghĩa Cần vương. Trong 10 năm đó, nghĩa quân đã biết sử dụng những phương thức tác chiến linh hoạt, chủ động, sáng tạo trong quá trình chuẩn bị lực lượng cũng như trong khi giao chiến với kẻ thù.

Như vậy, khởi nghĩa Hương Khê là đỉnh cao nhất trong phong trào Cần vương cuối thế kỉ XIX, kéo dài trong 10 năm, có quy mô rộng lớn, tổ chức tương đối chặt chẽ, lập được nhiều chiến công, gây cho địch tổn thất nặng nề.

**Câu 11.** Những nguyên nhân nào khiến cho các cuộc khởi nghĩa chống Pháp cuối thế kỉ XIX thất bại?

- Về chủ quan:

- + Giai cấp lãnh đạo là tầng lớp sĩ phu xuất thân từ nông dân, tầng lớp này không đại diện cho lực lượng sản xuất tiên tiến, không còn đủ khả năng nắm lấy ngọn cờ lãnh đạo đấu tranh giải phóng dân tộc Việt Nam.
- + Đường lối đấu tranh đi theo lối phong kiến cũng trở nên lạc hậu. Những cuộc khởi nghĩa đi theo con đường này diễn ra lẻ tẻ, rời rạc, chưa có sự thống nhất, kết hợp nên dễ bị cô lập và đàn áp.
- + Chiến lược và chiến thuật đấu tranh còn non yếu, chủ yếu dựa vào chiến tranh du kích, chưa phù hợp với thực tiễn của cuộc đấu tranh dân tộc và giai cấp.
- + Các phong trào vẫn chưa huy động được sức mạnh tổng hợp của toàn dân, chưa thực hiện chiến tranh nhân dân.

- Về khách quan:

- + Do hoàn cảnh lịch sử và điều kiện kinh tế, chính trị, xã hội ở Việt Nam chưa chín muồi, chưa đáp ứng được yêu cầu của thời đại.
- + Do tương quan lực lượng giữa ta và Pháp quá chênh lệch. Bấy giờ, thực dân Pháp đang đẩy mạnh bình định để bắt tay vào khai thác bóc lột, chúng tập trung toàn lực để đàn áp những cuộc khởi nghĩa lẻ tẻ, thô sơ, thủ hiểm của nhân dân ta.

## **CHỦ ĐỀ 4: VIỆT NAM TỪ ĐẦU THẾ KỈ XX ĐẾN CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT (1914)**

### **I. LÍ THUYẾT TRỌNG TÂM**

#### **A. CUỘC KHAI THÁC THUỘC ĐỊA LẦN THỨ NHẤT CỦA THỰC DÂN PHÁP Ở VIỆT NAM (1897 – 1914)**

##### **1. Mục đích:**

- Bù đắp thiệt hại cho cuộc chiến tranh xâm lược và bình định quân sự.
- Vơ vét sức người, sức của ở thuộc địa để làm giàu cho chính quốc.

##### **2. Chính sách khai thác:**

Nông nghiệp: Cướp đoạt ruộng đất, ép nhà Nguyễn nhượng quyền “khai khẩn đất hoang”).

Công nghiệp: Tập trung vào khai thác mỏ (than đá, thiếc, kẽm,...)

Thương nghiệp: Pháp nắm độc quyền thương mại, đánh thuế nặng hàng hoá nước ngoài vào Việt Nam.

Giao thông vận tải: tăng cường hệ thống giao thông (đường sắt, đường bộ...) để phục vụ khai thác và mục đích quân sự.

##### **3. Tác động:**

###### ***Kinh tế:***

- Phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa từng bước du nhập vào Việt Nam.  
→ Kinh tế Việt Nam có sự chuyển biến.
- Phương thức bóc lột phong kiến vẫn được duy trì.  
→ Kinh tế Việt Nam vẫn trong tình trạng nghèo nàn, lạc hậu, cột chặt vào kinh tế Pháp.

###### ***Xã hội:***

- Cơ cấu xã hội thay đổi, phân hoá xã hội sâu sắc.
- + Giai cấp địa chủ: phân hoá thành đại địa chủ và trung – tiểu địa chủ.
- + Giai cấp nông dân bị bóc lột cùng hoá.
- + Giai cấp công nhân ra đời, còn trong giai đoạn đấu tranh tự phát.
- + Tầng lớp tư sản ra đời nhưng thế lực yếu.
- + Tầng lớp tiểu tư sản ra đời.
- Mâu thuẫn xã hội phát triển gay gắt, trong đó chủ yếu là mâu thuẫn dân tộc.  
→ Tạo ra những điều kiện bên trong cho một cuộc vận động giải phóng dân tộc theo xu hướng mới.

#### **B. PHONG TRÀO YÊU NƯỚC THEO KHUYNH HƯỚNG DÂN CHỦ TƯ SẢN ĐẦU THẾ KỈ XX**

##### **1. Điều kiện lịch sử:**

- Phong trào yêu nước cuối thế kỉ XIX thất bại → đặt ra yêu cầu tìm kiếm con đường cứu nước mới.
- Những chuyển biến về kinh tế, xã hội ở Việt Nam dưới tác động từ cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất.
- Tư tưởng dân chủ tư sản từ Pháp, Trung Quốc, Nhật Bản,... được truyền bá vào Việt Nam.  
→ Tác động đến nhận thức của một số bộ phận sĩ phu yêu nước về con đường giải phóng mới.

##### **2. Một số đặc điểm:**

\* Tính chất, mục tiêu:

- Cuộc vận động cứu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản.

- Gắn cứu nước với thay đổi chế độ xã hội.

\* Lãnh đạo là các sĩ phu yêu nước tiến bộ.

\* Diễn ra trên quy mô rộng lớn từ Bắc tới Nam, có cả ở hải ngoại (Nhật Bản, Trung Quốc...)

\* Thu hút đông đảo nhân dân tham gia, nhất là các lực lượng mới (công nhân, tiểu tư sản...)

\* Hình thức, phương pháp đấu tranh phong phú.

### 3. HOẠT ĐỘNG CỦA PHAN BỘI CHÂU, PHAN CHÂU TRINH

	PHAN BỘI CHÂU	PHAN CHÂU TRINH
<b>Xu hướng</b>	- Bạo động.	- Cải cách.
<b>Chủ trương, phương pháp</b>	- Dựa vào sự giúp đỡ từ bên ngoài kết hợp vận động quần chúng từ bên trong để tiến hành bạo động, đánh đuổi thực dân Pháp giành độc lập.	- Thiết lập dân chủ, dân quyền thông qua con đường cải cách để đi tới độc lập. - Chủ trương dựa vào Pháp để đánh đổ vua quan phong kiến hủ bại, xem đó là điều kiện tiên quyết để giành độc lập.
<b>Hoạt động tiêu biểu</b>	- Lập Duy tân hội (1904) - Tổ chức phong trào Đông du (1905 – 1908); đưa thanh niên yêu nước Việt Nam sang học tập tại các trường của Nhật Bản. - Lập Việt Nam Quang phục hội (1912).	- Mở cuộc vận động Duy tân ở Trung Kỳ: + Lập hội buôn, hội sản xuất. + Mở trường học theo lối mới. + Vận động cải cách phong tục, lối sống... - Cuộc vận động Duy tân đi vào quần chúng → bùng nổ phong trào chống thuế (1908) ở Trung Kỳ.
<b>Kết quả, ý nghĩa</b>	- Làm dấy lên cuộc vận động dân tộc, dân chủ sôi nổi ở Việt Nam đầu thế kỉ XX. - Đều bị chính quyền thực dân đàn áp, thất bại.	

## II. HỆ THỐNG CÂU HỎI ÔN LUYỆN

**Câu 1.** Trình bày những chuyển biến của phong trào yêu nước và cách mạng Việt Nam đầu thế kỉ XX.

Nguyên nhân của những chuyển biến đó?

**Câu 2.** Lập bảng hệ thống kiến thức về hoạt động cứu nước của Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh đầu thế kỉ XX. Hai xu hướng bạo động và cải cách của Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh có điểm gì giống nhau?

Hoạt động cứu nước của Phan Bội Châu:

Thời gian	Hoạt động chủ yếu	Kết quả
...	...	...


Hoạt động cứu nước của Phan Châu Trinh:

Thời gian	Hoạt động chủ yếu	Kết quả
...	...	...

**Câu 3.** Lập bảng so sánh phong trào yêu nước Việt Nam cuối thế kỉ XIX và đầu thế kỉ XX theo các tiêu chí sau: khuynh hướng; mục đích; lãnh đạo; lực lượng tham gia; hình thức và phương pháp đấu tranh; kết quả.

**Câu 4.** Lập bảng so sánh chủ trương và hoạt động cứu nước của Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh:

Nội dung	Phan Bội Châu	Phan Châu Trinh
Khuynh hướng cứu nước		
Chủ trương, phương pháp		
Hoạt động tiêu biểu		
Đóng góp		
Hạn chế		

**Câu 5.** Trình bày điều kiện lịch sử, biểu hiện và kết cục của phong trào yêu nước Việt Nam đầu thế kỉ XX. Kết cục đó nói lên điều gì?

**Câu 6.** Từ đầu thế kỉ XX đến trước Chiến tranh thế giới thứ nhất, Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh và các sĩ phu yêu nước có những đóng góp gì cho phong trào vận động giải phóng dân tộc và phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam?

### Đáp án

**Câu 1.** Trình bày những chuyển biến của phong trào yêu nước và cách mạng Việt Nam đầu thế kỉ XX. Nguyên nhân của những chuyển biến đó?

\* *Chuyển biến:*

- Khuynh hướng cứu nước: dân chủ tư sản.
- Mục tiêu: gắn cứu nước với duy tân đất nước làm cho đất nước phát triển, giải phóng dân tộc gắn với thay đổi chế độ chính trị ở Việt Nam.
- Lãnh đạo: do bộ phận sĩ phu yêu nước tiên bộ lãnh đạo...
- Quy mô, phạm vi và lực lượng tham gia: diễn ra trên quy mô rộng lớn từ Bắc chí Nam, ở cả thành thị và nông thôn; thu hút đông đảo các thành phần xã hội tham gia trong đó có các lực lượng xã hội mới.
- Hình thức, phương pháp đấu tranh: phong phú, đa dạng, mới mẻ chưa từng có trong lịch sử dân tộc (lập tổ chức chính trị, vận động cải cách văn hóa - xã hội, lập hội buôn, hội sản xuất, lập trường học mới, xuất dương cầu viện, bạo động vũ trang...). Có hiện tượng một khuynh hướng cứu nước phân hóa thành hai xu hướng là bạo động và cải cách.

\* *Nguyên nhân:*

- Cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của thực dân Pháp làm cho nền kinh tế - xã hội Việt Nam có nhiều chuyển biến. Sự nảy sinh của các lực lượng xã hội mới tạo ra những điều kiện bên trong cho cuộc vận động giải phóng dân tộc theo khuynh hướng mới.

- Trào lưu tư tưởng tư sản từ Trung Quốc, Nhật Bản xâm nhập vào nước ta, làm chuyển biến mạnh mẽ nhận thức của một bộ phận sĩ phu yêu nước.

**Câu 2.** Lập bảng hệ thống kiến thức về hoạt động cứu nước của Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh đầu thế kỉ XX. Hai xu hướng bạo động và cải cách của Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh có điểm gì giống nhau?

\* Hoạt động cứu nước của Phan Bội Châu:

Thời gian	Hoạt động chủ yếu	Kết quả
Năm 1902	Vào Nam ra Bắc, tìm cách liên kết với những người cùng chí hướng.	
Tháng 5/1904	Thành lập Hội Duy tân ở Quảng Nam	
1905 - 1908	Tổ chức phong trào Đông Du, đưa thanh niên Việt Nam sang học tập tại Nhật Bản.	- Đưa cho 200 du học sinh Việt Nam sang Nhật. - Chính phủ Nhật cầu kết với thực dân Pháp trục xuất lưu học sinh Việt Nam. Phong trào Đông Du tan rã, Hội Duy tân ngừng hoạt động.
Tháng 6/1912	Thành lập Việt Nam Quang phục hội.	Hội tổ chức được một số hoạt động có tác dụng khuấy động dư luận trong và ngoài nước.
Tháng 12/1913	Bị giới quân phiệt bắt giam ở nhà tù Quảng Đông.	

Hoạt động cứu nước của Phan Châu Trinh:

Thời gian	Hoạt động chủ yếu	Kết quả
Năm 1904	Từ quan, bắt đầu tiến hành hoạt động cứu nước.	
Năm 1906	Cùng một số sĩ phu tiến bộ Quảng Nam tổ chức cuộc vận động Duy tân ở Trung Kỳ.	- Nhiều công ty, hội buôn, trường học theo lối mới thành lập, đông đảo quần chúng hưởng ứng... - Cuộc vận động đi sâu vào quần chúng đã làm bùng lên phong trào chống thuế ở Trung Kỳ.
Năm 1908	Bị bắt, chịu án tù 3 năm ở Côn Đảo	



Năm 1911	Bị chính quyền thực dân đưa sang Pháp.	Vẫn kiên trì đường lối cải cách, kêu gọi thực hiện dân quyền, cải cách dân sinh.
----------	--	--

\* *Điểm giống nhau giữa hai xu hướng bạo động và cải cách:*

- Đề xuất phát từ chủ nghĩa yêu nước.
- Đề nhằm mục đích cứu nước, cứu dân.
- Đề đi theo khuynh hướng dân chủ tư sản.

**Câu 3.** Lập bảng so sánh phong trào yêu nước Việt Nam cuối thế kỉ XIX và đầu thế kỉ XX theo các tiêu chí sau: khuynh hướng; mục đích; lãnh đạo; lực lượng tham gia; hình thức và phương pháp đấu tranh; kết quả.

Nội dung so sánh	Phong trào yêu nước cuối thế kỉ XIX	Phong trào yêu nước và cách mạng đầu thế kỉ XX
Khuynh hướng	Phong kiến	Dân chủ tư sản
Mục đích	Đánh đổ đế quốc Pháp và tay sai, khôi phục nhà nước phong kiến độc lập.	Cứu nước gắn với duy tân đất nước và thay đổi chế độ xã hội, đưa đất nước phát triển theo con đường tư bản chủ nghĩa.
Lãnh đạo	Văn thân, sĩ phu yêu nước; nông dân.	Sĩ phu yêu nước tiến bộ (sĩ phu yêu nước tư sản hoá).
Lực lượng tham gia	Chủ yếu là nông dân.	Nông dân, công nhân và nhiều thành phần xã hội khác.
Hình thức và phương thức đấu tranh	Khởi nghĩa vũ trang là chủ yếu.	Lập tổ chức chính trị, cầu viện, bạo động vũ trang, cải cách văn hoá – xã hội, lập hội buôn...
Quy mô, phạm vi	Chủ yếu diễn ra ở những nơi có địa thế thuận lợi để xây dựng căn cứ khởi nghĩa	Rộng khắp trên toàn quốc, ở cả nông thôn và thành thị.
Kết quả	Bị đàn áp, thất bại.	Bị đàn áp, thất bại.

**Câu 4.** Lập bảng so sánh chủ trương và hoạt động cứu nước của Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh:

Nội dung	Phan Bội Châu	Phan Châu Trinh
<i>Xu hướng</i>	Bạo động	Cải cách
<i>Chủ trương, phương pháp</i>	Dựa vào sự giúp đỡ từ bên ngoài kết hợp vận động quần chúng từ bên ngoài để tiến hành bạo động, đánh đuổi thực dân Pháp giành độc lập.	Thiết lập dân chủ, dân quyền thông qua con đường cải cách để đi tới độc lập; chủ trương dựa vào Pháp để đánh đổ vua quan phong kiến hủ bại, xem đó là điều kiện tiên quyết để giành độc lập.

<i>Hoạt động tiêu biểu</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lập Duy tân hội (1904), tổ chức phong trào Đông du (1905 – 1908)</li> <li>- Lập Việt Nam Quang phục hội (1912)</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mở cuộc vận động Duy tân ở Trung Kỳ, lập hội buôn, hội sản xuất; mở trường học theo lối mới; vận động cải cách phong tục, lối sống...</li> <li>- Cuộc vận động đi vào quần chúng =&gt; phong trào chống thuế (1908)</li> </ul>
<i>Đóng góp</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Là người đại diện cho xu hướng bạo động cứu nước ở Việt Nam đầu thế kỉ XX.</li> <li>- Làm dấy nên một cuộc vận động cứu nước sôi nổi với những nội dung và hình thức mới, thức tỉnh mạnh mẽ quần chúng nhân dân.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Là người khởi xướng xu hướng cải cách ở Việt Nam đầu thế kỉ XX.</li> <li>- Làm dấy nên cuộc vận động Duy tân sôi nổi ở Trung Kỳ, góp phần thức tỉnh quần chúng và tấn công vào hệ tư tưởng phong kiến lạc hậu.</li> </ul>
<i>Hạn chế</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tách rời hai nhiệm vụ dân tộc và giai cấp.</li> <li>- Ảo tưởng dựa vào Nhật để chống Pháp.</li> <li>- Chưa nhận thức được khả năng cách mạng của công nhân và nông dân...</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tách rời hai nhiệm vụ dân tộc và giai cấp, mơ hồ trong việc xác định kẻ thù dân tộc.</li> <li>- Ảo tưởng dựa vào Pháp chống phong kiến.</li> <li>- Chống lại biện pháp vũ trang bạo động.</li> </ul>

**Câu 5.** Trình bày điều kiện lịch sử, biểu hiện và kết cục của phong trào yêu nước Việt Nam đầu thế kỉ XX. Kết cục đó nói lên điều gì?

*\* Điều kiện lịch sử:*

- Phong trào yêu nước theo ngọn cờ phong kiến (tiêu biểu là phong trào Cần vương) đã thất bại, không còn đáp ứng được yêu cầu lịch sử. Những người yêu nước Việt Nam cần phải tìm kiếm một con đường cứu nước mới.

- Cuộc khai thác, bóc lột thuộc địa lần thứ nhất của thực dân Pháp làm cho nền kinh tế - xã hội Việt Nam có nhiều chuyển biến:

+ Về kinh tế: quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa từng bước du nhập vào nước ta làm cho cơ cấu kinh tế Việt Nam bước đầu có sự thay đổi. Tuy nhiên sự biến đổi đó còn rất hạn chế, kinh tế Việt Nam vẫn phổ biến trong tình trạng lạc hậu, nghèo nàn và bị cột chặt vào kinh tế Pháp.

+ Về xã hội: những chuyển biến kinh tế kéo theo những chuyển biến về xã hội. Các giai cấp cũ (địa chủ, nông dân) bị phân hóa; các lực lượng xã hội mới ra đời (công nhân, tư sản, tiểu tư sản) là điều kiện bên trong cho cuộc vận động cứu nước theo khuynh hướng mới.

Trong một xã hội phân hóa chưa thành thực, bộ phận sĩ phu yêu nước tiên bộ xuất phát từ lập trường yêu nước đã giữ vai trò quan trọng trong việc tiếp thu và truyền bá hệ tư tưởng cứu nước mới.

- Trào lưu tư tưởng tư sản từ bên ngoài dội vào Việt Nam thông qua các Tân thư, Tân văn từ Trung Quốc. Đồng thời, những thông tin chính trị từ Trung Quốc, Nhật Bản truyền vào Việt Nam đầu thế kỉ XX đã tác

động mạnh mẽ đến nhận thức của các sĩ phu yêu nước tiến bộ. Họ mạnh dạn tiếp thu hệ tư tưởng mới và khởi xướng cuộc vận động cứu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản.

*\* Biểu hiện:*

- Phong trào yêu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản, tiêu biểu là những hoạt động cứu nước của Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh.

+ Mục tiêu: gắn cứu nước với duy tân đất nước làm cho đất nước phát triển, giải phóng dân tộc gắn với thay đổi chế độ chính trị ở Việt Nam.

+ Lãnh đạo: do bộ phận sĩ phu yêu nước tiến bộ lãnh đạo...

+ Quy mô, phạm vi và lực lượng tham gia: Diễn ra trên quy mô rộng lớn từ Bắc chí Nam, ở cả thành thị và nông thôn; thu hút đông đảo các thành phần xã hội tham gia trong đó có các lực lượng xã hội mới.

+ Hình thức, phương pháp đấu tranh: phong phú, đa dạng, mới mẻ chưa từng có trong lịch sử dân tộc (lập tổ chức chính trị, vận động cải cách văn hóa-xã hội, lập hội buôn, hội sản xuất, lập trường học mới, xuất dương cầu viện, bạo động vũ trang...). Có hiện tượng một khuynh hướng cứu nước phân hóa thành hai xu hướng là bạo động và cải cách.

- Phong trào đấu tranh của nông dân (những năm cuối cùng của khởi nghĩa Yên Thế), nổi dậy của đồng bào dân tộc thiểu số.

- Các phong trào trên dù diễn ra sôi nổi, bền bỉ nhưng cuối cùng đều bị thực dân Pháp đàn áp và thất bại.

*\* Nhận xét kết cục:*

+ Thể hiện sự bất lực của hệ tư tưởng dân chủ tư sản trước nhiệm vụ giải phóng dân tộc mà lịch sử đặt ra.

+ Chứng tỏ cách mạng Việt Nam tiếp tục rơi vào khủng hoảng về đường lối cứu nước và giai cấp lãnh đạo. Yêu cầu lịch sử cấp thiết đặt ra là phải tìm kiếm một con đường cứu nước mới.

**Câu 6.** Từ đầu thế kỉ XX đến trước Chiến tranh thế giới thứ nhất, Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh và các sĩ phu yêu nước có những đóng góp gì cho phong trào vận động giải phóng dân tộc và phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam?

*\* Đóng góp đối với cuộc vận động giải phóng dân tộc:*

- Truyền bá một tư tưởng cứu nước mới, làm bùng nổ phong trào yêu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản sôi nổi rầm rộ, với những hình thức phong phú và mới mẻ chưa từng có ở Việt Nam đầu thế kỉ XX. Hoạt động cứu nước của Phan Bội Châu với sự ra đời của các tổ chức chính trị đánh dấu một bước trưởng thành phong trào yêu nước Việt Nam.

- Thức tỉnh mạnh mẽ tinh thần yêu nước chống Pháp trong nhân dân Việt Nam: cuộc vận động Duy tân của Phan Châu Trinh khi đi sâu vào quần chúng đã phát triển thành phong trào chống đi phu, đòi giảm sưu thuế của nông dân các tỉnh Trung Kỳ (1908).

- Bồi đắp truyền thống đấu tranh bất khuất của dân tộc, để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý báu cho phong trào yêu nước về sau...

*\* Đóng góp đối với sự phát triển kinh tế và xã hội:*

- Thông qua các hoạt động chấn hưng thực nghiệp, lập hội buôn, hội sản xuất, phát triển nghề thủ công... đã góp phần thúc đẩy quan hệ kinh tế theo hướng tư bản chủ nghĩa ở nước ta.

Các hoạt động lập trường học mới, vận động cải cách phong tục - lối sống, đề xướng dân quyền...góp phần truyền bá những tư tưởng dân chủ tiến bộ vào nước ta, tấn công vào hệ tư tưởng phong kiến lạc hậu, thúc đẩy sự phát triển văn hóa - xã hội ở Việt Nam đầu thế kỉ XX.

## CHỦ ĐỀ 5 : VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT (1914 – 1918)

### I. LÍ THUYẾT TRỌNG TÂM

#### A. VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT

##### 1. Chính sách thống trị của thực dân Pháp

- Tăng cường thu thuế, phát hành công trái... để tăng ngân sách.
  - Ráo riết vơ vét lương thực, nông lâm sản, kim loại... đưa về nước.
  - Tăng cường đầu tư khai thác mỏ; buộc phải nói dối độc quyền công thương nghiệp.
  - Đầu tư vào các loại cây công nghiệp phục vụ chiến tranh: thầu dầu, lạc.
- Nhằm mục đích: tăng cường vơ vét, bóc lột sức người sức của Đông Dương để phục vụ cho nhu cầu chiến tranh của chiến tranh đế quốc.

##### 2. Chuyển biến kinh tế - xã hội ở Việt Nam.

###### \* *Chuyển biến kinh tế:*

- Công nghiệp thuộc địa phải gánh đỡ thiếu hụt của chính quốc trong chiến tranh.
- Các cơ sở kinh tế của người Việt có điều kiện phát triển hơn.



Đô thị Hà Nội thời Pháp thuộc



Đô thị Sài Gòn thời Pháp thuộc

- Nông nghiệp trồng lúa gặp nhiều khó khăn.



Sản xuất nông nghiệp ở Bắc Kỳ

###### \* *Chuyển biến xã hội*

- Nông dân: khổ cực, bần cùng do nạn bắt lính và chính sách nông nghiệp của Pháp.
- Công nhân lớn lên về số lượng.
- Tiểu tư sản thành thị phát triển rõ rệt về số lượng.
- Tư sản một số ngành thoát khỏi sự kiểm chế của tư bản Pháp: Bạch Thái Bưởi, Nguyễn Hữu Thu..

→ Các lực lượng xã hội mới tiếp tục phát triển.

→ Mâu thuẫn xã hội ngày càng sâu sắc, chủ yếu là mâu thuẫn dân tộc.



"Vua tàu thủy" Bạch Thái Bưởi

**B. PHONG TRÀO ĐẤU TRANH VŨ TRANG**  
**TRONG CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT (1914 – 1918)**

**Một số cuộc đấu tranh tiêu biểu**

<b>Tên cuộc đấu tranh</b>	<b>Lực lượng tham gia</b>	<b>Hoạt động tiêu biểu</b>	<b>Kết quả</b>
Hoạt động của Việt Nam Quang phục hội (1914 – 1916)	- Công nhân, viên chức hoả xa tuyến Hải Phòng – Vân Nam, binh lính ...	- Tấn công các đồn binh Pháp ở Cao Bằng, Phú Thọ, Nho Quan, Móng Cái... - Phá nhà ngục Lao Bảo.	Thất bại.
Vận động khởi nghĩa của Thái Phiên và Trần Cao Vân (1916)	- Nhân dân và binh lính người Việt ở trong quân đội Pháp (ở Trung Kỳ).	- Có sự ủng hộ của vua Duy Tân. - Dự định phối hợp với binh lính miền Trung nổi dậy khởi nghĩa.	Thất bại.
Khởi nghĩa của binh lính Thái Nguyên (1917)	- Tù chính trị và binh lính người Việt trong quân đội Pháp.	- Trịnh Văn Cấn và Lương Ngọc Quyến lãnh đạo. - Đánh chiếm thị xã Thái Nguyên, đặt quốc hiệu Đại Hùng, làm chủ tỉnh lỵ trong một tuần lễ.	Thất bại.
Phong trào Hội kín ở Nam Kỳ (1914 – 1918)	- Chủ yếu là nông dân ở Nam Kỳ.	- Phát triển rầm rộ ở miền Nam. - Tổ chức đột nhập vào Sài Gòn, mưu phá khám lớn để cứu Phan Xích Long.	Thất bại.
Khởi nghĩa vũ trang của đồng bào dân tộc thiểu số (đầu thế kỉ XX)	- Đồng bào dân tộc thiểu số ở Tây Bắc, Đông Bắc, Tây Nguyên...	- Khởi nghĩa của người Thái ở Tây Bắc. - Khởi nghĩa của người Mông ở Lai Châu. - Khởi nghĩa của đồng bào Mông do N'Trang Long chỉ huy	Thất bại.

**Nhận xét:**

- Diễn ra sôi nổi, rộng khắp, lôi kéo nhiều thành phần trong xã hội tham gia.
- Thể hiện truyền thống yêu nước bất khuất của dân tộc.
- Chứng minh khả năng cách mạng của các lực lượng xã hội khác nhau: nông dân, binh lính, đồng bào dân tộc thiểu số...

- Thất bại của các cuộc đấu tranh đã chứng tỏ phong trào yêu nước Việt Nam đang lâm vào khủng hoảng, bế tắc.

## **C. SỰ XUẤT HIỆN CỦA KHUYNH HƯỚNG CỨU NƯỚC MỚI – KHUYNH HƯỚNG VÔ SẢN**

### **1. Phong trào công nhân những năm đầu thế kỉ XX**

Nông dân bị cướp đoạt ruộng đất, thợ thủ công phá sản nên không có tư liệu sản xuất, phải bán sức lao động kiếm sống, trở thành công nhân.

Giai cấp công nhân chịu ba tầng lớp áp bức, bóc lột (đế quốc xâm lược, tư bản trong, ngoài nước và phong kiến tay sai) → công nhân liên tục nổi dậy đấu tranh.

+ Đấu tranh chủ yếu đòi quyền lợi kinh tế: tăng lương giảm giờ làm...

+ Đấu tranh bằng những hình thức sơ khai: bỏ trốn, bãi công, đốt nhà cai thầu...; hình thức bãi công mới bắt đầu xuất hiện.

+ Tham gia vào một số phong trào đấu tranh yêu nước: khởi nghĩa Thái Nguyên.

- Tuy nhiên các cuộc đấu tranh vẫn còn mang tính tự phát.

### **2. Buổi đầu hoạt động cứu nước của Nguyễn Tất Thành (1911 – 1918)**

- Tác động từ những chuyển biến của thế giới trong thời đại đế quốc chủ nghĩa.

- Sự khủng hoảng về đường lối cứu nước → yêu cầu tìm ra con đường cứu nước mới.

- Kế thừa truyền thống yêu nước và ý chí đấu tranh bất khuất của quê hương (Nghệ An), gia đình.

+ Trí thông minh, ham học hỏi.

+ Quyết tâm giải phóng đất nước khỏi ách nô lệ.

+ Nhân quan chính trị nhạy bén: nhận thấy những hạn chế trong con đường cứu nước của các bậc tiền bối,...

→ Ngày 5/6/1911, Nguyễn Tất Thành rời cảng Nhà Rồng, ra đi tìm đường cứu nước.

- 1911 – 1916: Người đi nhiều nơi, làm nhiều nghề, kết hợp nghiên cứu lí luận với khảo sát thực tiễn. → Nhận thức đúng đắn về bạn, thù; bản chất cách mạng tư sản.

- 1917: Người trở lại Pháp hoạt động trong phong trào công nhân Pháp, bắt đầu tìm hiểu về Cách mạng tháng Mười Nga.

→ Là cơ sở để xác định con đường cứu nước đúng đắn cho dân tộc về sau.



## II. HỆ THỐNG CÂU HỎI ÔN LUYỆN

**Câu 1.** Nêu và phân tích những biến động lớn về kinh tế - xã hội ở Việt Nam trong những năm Chiến tranh thế giới thứ nhất.

**Câu 2.** Lập bảng hệ thống kiến thức về các cuộc đấu tranh vũ trang tiêu biểu của nhân dân Việt Nam trong những năm Chiến tranh thế giới thứ nhất theo các tiêu chí: phong trào, lực lượng tham gia, hoạt động chủ yếu, kết quả. Nhận xét về kết cục của các cuộc đấu tranh đó.

**Câu 3.** Quá trình tìm đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc có những điểm gì mới, khác so với các sĩ phu yêu nước tiến bộ đầu thế kỉ XX (Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh)?

**Câu 4.** Phân tích bối cảnh Nguyễn Tất Thành ra đi tìm đường cứu nước.

**Câu 5.** Tóm tắt những hoạt động cách mạng tiêu biểu của Nguyễn Tất Thành trong những năm 1911 - 1918 và rút ra ý nghĩa của những hoạt động đó.

### Đáp án

**Câu 1.** Nêu và phân tích những biến động lớn về kinh tế - xã hội ở Việt Nam trong những năm Chiến tranh thế giới thứ nhất.

- Là một đế quốc tham chiến trong Chiến tranh thế giới thứ nhất, thực dân Pháp tăng cường vơ vét, bóc lột sức người sức của ở Đông Dương để phục vụ cho nhu cầu chiến tranh. Những chính sách của thực dân Pháp trong những năm chiến tranh làm cho nền kinh tế - xã hội nước ta có nhiều biến động.

- Về kinh tế:

+ Nguồn của cải, lương thực, kim loại... trong nhân dân bị thực dân Pháp ra sức vơ vét, cướp bóc.

+ Công nghiệp thuộc địa phải gánh đỡ thiếu hụt, tổn thất của chính quốc trong chiến tranh. Khai thác mỏ được bỏ vốn thêm, nhiều công ty than mới xuất hiện...

+ Nói lỏng độc quyền cho tư bản người Việt kinh doanh. Từ đó, công thương nghiệp và giao thông vận tải phát triển hơn, các cơ sở kinh tế của người Việt có điều kiện phát triển cả về quy mô và số lượng.

+ Nông nghiệp trồng lúa gặp nhiều khó khăn do chính sách chuyển một phần diện tích canh tác sang trồng các loại cây công nghiệp phục vụ chiến tranh của Pháp.

- Về xã hội:

+ Giai cấp nông dân: ngày càng khổ cực, bần cùng do nạn bắt lính và chính sách nông nghiệp của Pháp.

+ Giai cấp công nhân lớn lên về số lượng, đặc biệt là công nhân mỏ và đồn điền.

+ Tư sản một số ngành thoát khỏi sự kiểm chế của tư bản Pháp: Bạch Thái Bưởi, Nguyễn Hữu Thu... Họ bước đầu lập ra cơ quan ngôn luận riêng để bênh vực quyền lợi cho người dân thuộc địa.

+ Tiểu tư sản thành thị phát triển rõ rệt về số lượng.

=> Các lực lượng xã hội mới tiếp tục phát triển, nhưng lực lượng chủ chốt của phong trào dân tộc thời kì này vẫn là công nhân và nông dân. Mâu thuẫn xã hội ngày càng sâu sắc, chủ yếu là mâu thuẫn dân tộc.

**Câu 2.** Lập bảng hệ thống kiến thức về các cuộc đấu tranh vũ trang tiêu biểu của nhân dân Việt Nam trong những năm Chiến tranh thế giới thứ nhất theo các tiêu chí: phong trào, lực lượng tham gia, hoạt động chủ yếu, kết quả. Nhận xét về kết cục của các cuộc đấu tranh đó.



\* Các phong trào đấu tranh vũ trang tiêu biểu:

Phong trào	Lực lượng	Hoạt động chủ yếu	Kết quả
Hoạt động của Việt Nam Quang phục hội (1914 – 1916)	Công nhân, viên chức hoả xa tuyến Hải Phòng – Vân Nam, binh lính, tù nhân.	- Tấn công các đồn binh Pháp ở Cao Bằng, Phú Thọ, Nho Quan, Móng Cái...; phá nhà ngục Lao Bảo.	Thất bại.
Vận động khởi nghĩa của Thái Phiên và Trần Cao Vân (1916)	Nhân dân và binh lính ở Trung Kỳ.	- Có sự ủng hộ của vua Duy Tân. - Dự định phối hợp với binh lính miền Trung nổi dậy khởi nghĩa.	Thất bại.
Khởi nghĩa của binh lính Thái Nguyên (1917)	Tù chính trị và binh lính người Việt.	- Do Trịnh Văn Cấn và Lương Ngọc Quyến lãnh đạo. - Đánh chiếm thị xã Thái Nguyên, đặt quốc hiệu Đại Hùng, làm chủ tỉnh lỵ trong một tuần lễ.	Thất bại.
Phong trào Hội kín ở Nam Kỳ (1914 – 1918)	Chủ yếu là nông dân ở Nam Kỳ.	Phát triển rầm rộ ở miền Nam; tổ chức đột nhập vào Sài Gòn, mưu phá khám lớn để cứu Phan Xích Long.	Thất bại.
Khởi nghĩa vũ trang của đồng bào dân tộc thiểu số (đầu thế kỉ XX)	Đồng bào dân tộc thiểu số ở Tây Bắc, Đông Bắc, Tây Nguyên	- Khởi nghĩa của người Thái ở Tây Bắc. - Khởi nghĩa của đồng bào người Mông ở Lai Châu. - Khởi nghĩa của đồng bào Mơ-nông do Nơ-trang Long chỉ huy	Thất bại.

\* Nhận xét kết cục:

- Diễn ra lẻ tẻ, thiếu sự thống nhất và đều thất bại; sự thất bại đó chứng tỏ phong trào yêu nước Việt Nam đang lâm vào khủng hoảng, bế tắc về đường lối cứu nước và giai cấp lãnh đạo. Yêu cầu lịch sử cấp thiết đặt ra là phải tìm kiếm một con đường cứu nước mới.

- Tuy thất bại nhưng các phong trào trên đã thể hiện truyền thống yêu nước bất khuất của dân tộc, chứng minh khả năng cách mạng của các lực lượng xã hội khác nhau: nông dân, binh lính...

**Câu 3.** Quá trình tìm đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc có những điểm gì mới, khác so với các sĩ phu yêu nước tiến bộ đầu thế kỉ XX (Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh)?

- *Hướng đi:* Phan Bội Châu hướng sang Nhật Bản, Trung Quốc - các nước phương Đông “đồng chủng, đồng văn”. Nguyễn Tất thành sang phương Tây, trước hết là sang Pháp, quê hương của khẩu hiệu “tự do - bình đẳng - bác ái”, nước đế quốc đang thống trị, bóc lột đồng bào mình.

- *Cách đi*: Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh sang Nhật Bản bằng tiền vận động, quyên góp của đồng bào trong nước; Nguyễn Tất Thành ra đi bằng cách “tự vô sản hóa mình”, tự lao động để kiếm sống và học tập, hòa nhập với cuộc sống của nhân dân lao động.

- *Cách tiếp cận các hệ tư tưởng mới*: Nguyễn Tất Thành kết hợp nghiên cứu lí luận với khảo sát thực tiễn một cách thận trọng, khách quan để từng bước tích lũy kinh nghiệm, rút ra những kết luận quý báu (bạn, thù; bản chất của chủ nghĩa đế quốc...) làm cơ sở lựa chọn con đường cứu nước đúng đắn cho dân tộc.

**Câu 4.** Phân tích bối cảnh Nguyễn Tất Thành ra đi tìm đường cứu nước.

- Đất nước mất độc lập, giải phóng dân tộc trở thành yêu cầu cấp thiết.

+ Dưới ách thống trị của thực dân Pháp, hầu hết các tầng lớp, giai cấp trong xã hội Việt Nam đều bị bóc lột về kinh tế, áp bức về chính trị. Độc lập tự do trở thành khát vọng lớn nhất của nhân dân ta.

+ Mâu thuẫn trong xã hội Việt Nam ngày càng sâu sắc, chủ yếu là mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp và tay sai. Từ đó, nhiệm vụ cứu nước được đặt ra cấp thiết.

- Sự khủng hoảng về đường lối cứu nước đặt ra yêu cầu phải tìm kiếm một con đường cứu nước mới.

+ Cuối thế kỉ XIX, nhiều cuộc khởi nghĩa vũ trang chống Pháp diễn ra bền bỉ, quyết liệt (các cuộc khởi nghĩa trong phong trào Cần vương, khởi nghĩa Yên Thế) nhưng lần lượt đều bị đàn áp, dập tắt. Ngọn cờ phong kiến đã tỏ ra bất lực, lỗi thời trước yêu cầu của lịch sử dân tộc.

+ Đầu thế kỉ XX, một cuộc vận động cách mạng theo khuynh hướng dân chủ tư sản diễn ra sôi nổi, rầm rộ do các sĩ phu yêu nước tiên bộ khởi xướng (Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh) nhưng rồi cũng bị dập tắt. Sự nghiệp giải phóng dân tộc đang lâm vào tình trạng khủng hoảng sâu sắc về đường lối, đặt ra yêu cầu cấp thiết phải tìm kiếm một con đường cứu nước mới.

- Nguyễn Tất Thành sớm có chí “đánh đuổi giặc Pháp, giải phóng đồng bào”.

+ Tiếp thu truyền thống yêu nước của gia đình, quê hương, Nguyễn Tất Thành sớm có chí “đánh đuổi giặc Pháp, giải phóng đồng bào”. Nhận thức được những hạn chế, bế tắc trong con đường cứu nước của các bậc tiền bối, Người quyết định ra đi tìm một con đường cứu nước mới.

+ Do sớm được tiếp xúc với nền văn minh của nước Pháp, Nguyễn Tất Thành hướng sang phương Tây mà trước hết là nước Pháp để tìm hiểu và từng bước tìm kiếm con đường cứu nước, giải phóng dân tộc.

+ Ngày 5/6/1911, Nguyễn Tất Thành rời bến cảng Nhà Rồng ra đi tìm đường cứu nước.

**Câu 5.** Tóm tắt những hoạt động cách mạng tiêu biểu của Nguyễn Tất Thành trong những năm 1911 -1918 và rút ra ý nghĩa của những hoạt động đó.

*\* Hoạt động:*

- Sinh năm 1890 tại Kim Liên, Nam Đàn, Nghệ An; hồi nhỏ tên là Nguyễn Sinh Cung; sinh ra trong gia đình trí thức yêu nước, lớn lên trên quê hương giàu truyền thống đấu tranh bất khuất. Nguyễn Tất Thành sớm có chí “đánh đuổi giặc Pháp, giải phóng đồng bào”. Nhận thức được những hạn chế và bế tắc của các phong trào yêu nước đương thời, Người quyết định ra đi tìm con đường cứu nước mới cho dân tộc.

- 5/6/1911, Nguyễn Tất Thành rời bến cảng nhà Rồng (Sài Gòn), hướng sang phương Tây “để xem nước Pháp và các nước khác làm thế nào, rồi trở về giúp đồng bào mình.

-1911 -1916: Nguyễn Tất Thành đi nhiều nơi, làm nhiều nghề, kết hợp nghiên cứu lí luận với khảo sát thực tiễn ở các nước. Người rút ra những kết luận đầu tiên hết sức quan trọng:

+ Ở đâu bọn đế quốc, thực dân cũng tàn bạo, độc ác; ở đâu những người lao động cũng bị áp bức và bóc lột dã man.

+ Không nên theo những cuộc cách mạng tư sản, vì đó là “những cuộc cách mạng chưa đến nơi”.

- 1917: trở lại Pháp hoạt động trong phong trào công nhân Pháp, bắt đầu tìm hiểu về Cách mạng tháng Mười Nga, tư tưởng của Người có những chuyển biến mạnh mẽ.

\* *Ý nghĩa*: Quá trình kết hợp nghiên cứu lí luận với khảo sát thực tiễn trong những năm 1911 - 1918 là cơ sở quan trọng để Người xác định con đường cứu nước đúng đắn cho dân tộc về sau.